

NHIỆP ĐẠI THỪA LUẬN BẢN

Quyển Thượng

Vô Trước Bồ-tát tạo luận

Tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch

Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt

Phần thứ nhất : Cương yếu

Trong Kinh Đại Thừa A-ti-đạt-ma có nói các Bồ-tát khéo ngộ nhập Đại thừa, vì muốn làm rõ cái thể to lớn của Đại thừa, căn cứ vào Đại thừa, đối trước đức Phật nói chư Phật Thế Tôn có 10 tướng ngôn ngữ thù thắng. Một là sở tri y thù thắng. Hai là tướng sở tri thù thắng. Ba là nhập tướng sở tri thù thắng. Bốn là nhập nhân quả thù thắng. Năm là tu tập sai biệt các nhân quả thù thắng. Sáu là giới tăng thượng thù thắng trong sự tu tập sai biệt. Bảy là tâm tăng thượng thù thắng. Tám là tuệ tăng thượng thù thắng. Chín là quả đoạn thù thắng. Mười là quả trí thù thắng. Do các câu được chư Phật Thế Tôn nói trong các kệ kinh, rõ ràng Đại thừa chính là do Phật nói.

Thế nào là rõ ràng ? Là vì 10 tướng thù thắng nói trên không hề thấy nói trong Thanh Văn thừa, chỉ trong Đại thừa mới có nhiều chỗ nói đến. Nghĩa là A-lại-da là nói cái thể của sở tri căn cứ. Ba thứ tự tính : một y tha khởi tự tính, hai biến kế sở chấp tự tính, ba viên thành thật tự tính là nói cái thể của tướng sở tri. Tính duy thức là nói về sự ngộ nhập cái thể của tướng sở tri. Sáu Ba-la-mật-đa là nói cái thể của sự ngộ nhập nhân quả. Mười địa của Bồ-tát là nói cái thể của sự tu tập các nhân quả sai biệt. Luật nghi Bồ-tát là nói cái thể của giới tăng thượng. Thủ-lăng-già-ma, Hư không tạng v.v...các Tam-ma-địa là nói cái thể của tâm tăng thượng. Trí vô phân biệt là nói cái thể của tuệ tăng thượng. Vô trụ Niết-bàn là nói cái thể của quả đoạn. Ba thứ Phật thân : một tự tính thân, hai thụ dụng thân, ba biến hóa thân, là nói cái thể của quả trí. Do 10 sự thù thắng nói trên, rõ ràng Đại thừa khác với Thanh Văn thừa. Lại còn rõ ràng rằng Thế Tôn chỉ nói rõ cho Bồ-tát. Cho nên phải biết rằng chỉ y vào Đại thừa chư Phật Thế Tôn mới có 10 tướng thù thắng được nói đến.

Lại nữa vì sao từ 10 tướng thù thắng này Như Lai nói ngôn ngữ thù thắng, lại rõ ràng Đại thừa chính thật là lời Phật nói ?

Là vì để ngăn chặn ý tưởng cho rằng Thanh Văn thừa là tính của Đại thừa. Do 10 tướng này chưa hề thấy trong Thanh Văn thừa nói đến, mà chỉ thấy nói nhiều trong Đại thừa. Có nghĩa là 10 thứ ngôn ngữ thù thắng này rất có năng lực dẫn khởi tính Đại Bồ-đề, thành lập sự tùy thuận rất tốt, không mâu thuẫn và có thể chứng đắc trí nhất thiết trí. Ở đây có hai bài tụng như sau :

*Sở tri y và sở tri tướng,
Nhập nhân quả và tu nhân quả,
Tam học quả đoạn và quả trí,
Là tối thượng thừa nên thù thắng.
Thuyết này các nơi không thấy nói,
Đây là tối thắng nhân Bồ-đề,
Cho nên Đại thừa là Phật nói,
Tức nói về mười nghĩa thù thắng.*

Lại nữa vì sao 10 nghĩa được nói theo thứ tự như vậy ?

Nghĩa là các Bồ-tát trước phải rõ nhân duyên của các pháp mới rõ được lý duyên sinh. Tiếp đến đối với các pháp do duyên sinh phải nhận rõ tướng trạng của chúng, phải khéo xa lìa hai cực đoạn của sự thêm bớt. Tiếp đến, Bồ-tát khéo tu tập như vậy, phải thông suốt đúng đắn các tướng sở thủ, khiến tâm được giải thoát các chướng. Tiếp đến, thông suốt các tướng sở tri rồi, trước do chúng đắc 6 Ba-la-mật-đa ở gia hành vị, phải thành tựu đầy đủ tăng thượng ý lạc cho được thanh tịnh. Tiếp đến sau khi thanh tịnh ý lạc trong 6 Ba-la-mật-đa, cần phải từng phần từng phần tu tập sai biệt trong 10 địa. Nghĩa là phải trải qua ba vô số đại kiếp. Tiếp đến phải viên mãn ba sở học của Bồ-tát. Đã viên mãn rồi phải hiện chứng quả Niết-bàn và vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Mười nghĩa đã được nói theo thứ tự như vậy, và trong đây Đại thừa đã được trình bày đầy đủ.

Phần thứ hai : Sở tri y

Trong 10 nghĩa thù thắng , trước tiên nói đến sở tri y, hay là nơi y cứ của các pháp sở tri, tức thức A-lại-da.

Ở đâu Thế Tôn đã nói thức A-lại-da tên là thức A-lại-da ?

Trong một bài kệ trong Kinh Đại Thừa A-tì-đạt-ma, đức Bạc-già-phạm đã nói :

*Nơi từ vô thủy nay,
Các pháp đồng y cứ.
Do đây có các nẻo
Và chúng đắc Niết-bàn.*

Và cũng có bài kệ rằng :

*Do gồm chứa các pháp,
Làm thức của chúng tử,
Nên gọi A-lại-da,
Ta dạy kẻ hơn người.*

Như vậy là đã dẫn chứng trong A-cấp-ma.

Nhưng vì lý do gì thức này gọi tên là A-lại-da ?

Vì tất cả các pháp sinh tạp nhiễm đều gồm chứa ở đây như tính chất của quả, rồi cũng thức này gồm chứa các pháp làm nhân, cho nên gọi là A-lại-da. Hoặc các hữu tình thâm giữ thức này làm bản ngã của mình nên gọi là A-lại-da.

Lại nữa thức này cũng gọi là thức A-đà-na. Như trong A-cấp-ma, Kinh Giải Thâm Mật nói :

*Thức A-đà-na rất vi tế,
Chúng tử như dòng nước chảy xiết.
Ta chẳng giảng nói cho phạm phu,
Sợ chúng chấp đó làm tự ngã.*

Vì lý do gì lại gọi tên là thức A-đà-na ?

Vì nó nắm giữ tất cả sắc căn, lấy tự thể làm sở y. Bởi vì sao ? Bởi vì các sắc căn do nó nắm giữ sẽ tùy chuyển suốt đời mà không hỏng mất. Và nó duy trì liên tục cho đến khi kết sinh thì chấp nhận làm tự thể. Vì vậy thức này còn gọi là thức A-đà-na.

Thức này cũng gọi là tâm. Như Thế Tôn nói tâm, ý, thức. Trong đây, ý có 2 thứ. Thứ nhất là cùng làm đẳng vô gián duyên, tính sở y chi, tức cái thức vô gián diệt có thể cùng với ý thức tạo ra sự y chi. Thứ hai là ý ô nhiễm, thường tương ưng cùng bốn phiền não. Đó là Tát-ca-da kiến, ngã mạn, ngã ái và vô minh. Chính đây là thức làm sở y cho các tạp nhiễm. Thức cũng do kia y chi mà sinh khởi, theo nghĩa thứ nhất, và nhận thức các cảnh tạp nhiễm, theo nghĩa thứ hai. Cho nên có nghĩa là đẳng vô gián và nghĩa tư lượng mà thành ra ý có 2 thứ là như vậy.

Lại nữa làm sao biết có cái ý nhiễm ô ?

Nghĩa là nếu ý nhiễm ô này không có thì không có cái bất cộng vô minh, thế là có lỗi. Và 5 đồng pháp cũng không có, thế là có lỗi. Sở dĩ vì sao ? Vì 5 thức thân, tất phải có nhân v.v... làm câu hữu y. Lại các huân thích từ cũng không có, thế là có lỗi. Lại nữa sự khác nhau giữa Vô tướng định với Diệt tận định cũng không có, thế là có lỗi. Nghĩa là Vô tướng định thì nhiễm ý rõ ràng còn Diệt tận định thì chẳng phải như vậy. Nếu không thế, 2 thứ định sẽ không có gì khác nhau. Và như vậy thì trong suốt thời gian sinh ở trời Vô tướng phải không có nhiễm ô, thế là có lỗi. Trong khi đó nếu không có ngã chấp ngã mạn, hoặc trong tất cả mọi lúc, ngã chấp có thể hiện hành được, nghĩa là ở trong các tâm thiện, bất thiện, vô ký. Nếu không như vậy thì chỉ tâm bất thiện tương ưng mà thôi, vì có ngã, ngã sở và phiền não hiện hành thì chẳng phải thiện chẳng phải vô ký. Cho nên nếu lập câu hữu hiện hành, không phải tương ưng hiện hành thì không có lỗi này. Ở đây có bài tụng như sau :

*Nếu vô minh bất cộng,
Cùng với 5 đồng pháp,
Huân từ, hai định khác,
Không, thì đều có lỗi.
Sinh Vô tướng nói không
Ngã chấp, là có lỗi.
Ngã chấp thường theo đuổi
Tất cả chúng, nếu không,*

*Ý lia nhiễm không có,
Hai, ba thành trái nhau.
Không đây, tất cả chỗ,
Ngã chấp cũng sẽ không.
Chân nghĩa tâm thường sinh,
Thường hay làm chướng ngại.
Có trong tất cả thức,
Là bất cộng vô minh.*

Ý là nhiễm ô nên tính của nó thuộc hữu phú vô ký và thường cùng tương ưng với 4 phiền não. Như phiền não ở cõi Sắc và Vô sắc thuộc tính hữu phú vô ký. Phiền não của Sắc và Vô sắc bị Xa-ma-tha thâm tàng, nên ý này luôn luôn hiện hữu một cách vi tế.

Cái thứ ba là tâm, nếu lia thức A-lại-da thì không thể có được. Vì vậy thành lập thức A-lại-da làm tâm thể và do tâm này làm chủng tử ý và thức chuyển sinh.

Vì nhân duyên gì thức A-lại-da cũng gọi là tâm ?

Vì là nơi tích chứa các chủng tử huân tập.

Lại nữa vì sao trong Thanh Văn thừa không nói tâm này là thức A-lại-da, thức A-đà-na ?

Vì đây là lĩnh vực cực kỳ vi tế. Bởi vì sao ? Vì trí giác của các Thanh Văn không chuyển đổi trong tất cả đối cảnh. Cho nên đối với họ tuy tách rời thức A-lại-da không nói, mà vẫn được trí giác, thành tựu giải thoát, nên Phật không nói. Còn trí giác của các Bồ-tát thì quyết định chuyển đổi trong tất cả đối cảnh, vì vậy Phật nói cho Bồ-tát. Nếu lia trí giác này không để gì chứng được trí Nhất thiết trí.

Lại nữa trong Thanh Văn thừa cũng có cách khác hoặc mật ý, đã nói đến thức A-lại-da. Như trong Tăng Nhất A-cấp-ma nói : Chúng sinh trong thế gian yêu A-lại-da, ưa A-lại-da, vui A-lại-da, thích A-lại-da. Đề đoạn trừ những A-lại-da như thế nên khi Như Lai thuyết chính pháp cung kính lắng nghe, trụ tâm cầu pháp, tùy thuận tu hành. Như Lai ra đời vô cùng kỳ diệu như vậy, và chính pháp hi hữu xuất hiện ở thế gian. Trong Kinh Tứ Đức, bằng một cách khác, bằng mật ý cũng đã hiển lộ thức A-lại-da. Trong Kinh A-cấp-ma của Đại chúng bộ cũng dùng cách khác và mật ý gọi thức này là căn bản thức, giống như gốc rễ của một cái cây. Trong Hóa địa bộ cũng dùng cách khác và mật ý gọi thức này là cùng sinh tử uẩn. Tuy có nơi có lúc thấy sắc mất đi, tâm mất đi, nhưng chủng tử của chúng trong thức A-lại-da chẳng mất.

A-lại-da là nơi y cứ của các pháp sở tri như vậy nên nói thức A-lại-da là tính, thức A-đà-na là tính, tâm là tính, A-lại-da là tính, căn bản thức là tính, cùng sinh tử uẩn là tính v.v... Do cách trình bày khác và mật ý mà thức A-lại-da thành một đường lối giải thích đặc biệt của Đại pháp vương.

Lại còn một loại giải thích nói rằng tâm, ý và thức tên gọi khác nhau nhưng nghĩa là một. Nói thế không đúng. Ý và thức đã có hai nghĩa khác nhau thì phải biết nghĩa của tâm cũng khác.

Lại có một loại nói rằng Đức Bạc-già-phạm có nói chúng sinh yêu A-lại-da ... cho đến nói rộng hơn, đó chính là lấy 5 thủ uẩn gọi là A-lại-da.

Lại có người khác bảo tham cùng với lạc thụ là A-lại-da, những người khác thì bảo Tát-ca-da kiến là A-lại-da. Các sự này do giáo nghĩa và chỗ chứng biết của họ đối với tầng thức không được sáng tỏ nên lập ra kiến chấp như vậy. Tên A-lại-da được lập theo Thanh Văn thừa là cũng không đúng đạo lý. Nếu không mê muội, lấy tầng thức an lập, gọi tên là A-lại-da, an lập như vậy là hơn cả.

Hơn cả như thế nào ?

Là vì nếu 5 uẩn là A-lại-da thì sinh trong đường ác một bề chịu khổ rất đáng chán nghịch, chúng sinh tuyệt đối không khởi yêu thích, vậy mà nói chấp tàng, là không hợp lý. Nếu tham với lạc thụ là A-lại-da thì Tứ thiên trở lên đã không có, chúng sinh cõi ấy thường có sự chán nghịch, vậy mà nói chấp tàng, là không hợp lý. Nếu Tát-ca-da kiến là A-lại-da thì những người tin hiểu vô ngã trong chính pháp thường có sự chán nghịch, vậy mà nói chấp tàng, là không hợp lý. Trong thức A-lại-da có mang tính ngã, nên tuy sinh nơi đường ác một bề chịu khổ muốn rời khổ uẩn, nhưng đối với tầng thức ngã ái thường theo trôi buộc, chưa từng có ý cầu mong lia bỏ. Dẫu sinh Tứ thiên trở lên thường chán nghịch tham và lạc thụ, nhưng đối với tầng thức vẫn bị ngã ái thường theo trôi buộc. Dẫu ở trong chính pháp này, người tin hiểu vô ngã chán nghịch ngã kiến, nhưng đối với tầng thức vẫn bị ngã ái thường theo trôi buộc. Cho nên lập ra thức A-lại-da đặt tên A-lại-da là đúng hơn cả.

Như vậy là đã nói về sự thành lập thức A-lại-da. Vậy an lập tướng này như thế nào ?

An lập tướng này, sơ lược có 3 thứ : một là an lập tự tướng, hai là an lập nhân tướng, ba là an lập quả tướng.

An lập tự tướng của thức A-lại-da nghĩa là căn cứ tất cả các pháp tạp nhiễm được huân tập làm nhân sinh ra các pháp, do khả năng thâm giữ chủng tử tương ưng.

An lập nhân tướng của thức A-lại-da nghĩa là tất cả chủng tử của thức A-lại-da lúc nào cũng cùng các phẩm loại tạp nhiễm hiện tiền kia làm nhân.

An lập quả tướng của thức A-lại-da nghĩa là căn cứ các pháp tạp nhiễm đã huân tập từ vô thủy đến nay mà thức A-lại-da liên tục sinh khởi.

Lại nữa những gì là huân tập ? Huân tập là năng thuyên, vậy sở thuyên là gì ?

Nghĩa là dựa vào pháp kia mà cùng sinh cùng diệt. Trong đó có tính năng sinh làm nhân cho cái khác, gọi là sở thuyên. Như trong mè có ướp hoa Mè và hoa cùng sinh cùng diệt. Tức là mè có mùi hoa. Lại như nói người tu hành tham lam, đó là cái tham huân tập, dựa vào cái tham cùng sinh cùng diệt, cái tâm này mang cái nhân sinh mà sinh. Hoặc người đa văn thì đa văn huân tập, dựa vào cái nghe tác ý rồi cùng sinh cùng diệt, cái tâm này mang cái nhân kia mà sinh. Do đó tính chất huân tập có công năng gìn giữ, nên gọi là người giữ gìn chính pháp. Nên biết ý nghĩa huân tập của thức A-lại-da cũng như vậy.

Lại nữa, chủng tử các pháp tạp nhiễm trong A-lại-da là khác và biệt lập hay không khác biệt ?

Các chủng tử kia không phải thật vật và biệt lập, nhưng ở trong A-lại da cũng không phải không khác biệt. Nhưng thức A-lại-da có thể sinh các công năng sai biệt kia, nên có tên là Nhất thiết chủng tử.

Lại nữa làm sao biết được thức A-lại-da với các pháp tạp nhiễm kia đồng thời làm nhân cho nhau ?

Ví như đèn sáng do ngọn lửa đèn đốt cháy tim đèn, đó là đồng thời. Cũng như đám cây lau đồng thời dựa vào nhau mà đứng. Hãy quán sát đạo lý làm nhân cho nhau ở đây cũng vậy. Như thức A-lại-da là nhân của các pháp tạp nhiễm, các pháp tạp nhiễm cũng là nhân của thức A-lại-da. Chỉ như vậy mới thành lập nghĩa nhân duyên, ngoài ra không có nghĩa nhân duyên nào khác.

Vì sao huân tập thì không khác không xen tạp, mà có thể làm nhân cho các pháp có khác biệt có xen tạp ?

Như tấm vải áo được nhuộm. Lúc mới nhuộm tuy chưa có gì khác biệt đa dạng, nhưng khi nhuộm xong thì màu sắc, đường nét, hoa văn hiển hiện. Thức A-lại-da cũng vậy. Các pháp được huân tập là đa dạng, trong khi huân tập tuy chưa thấy được các dạng tướng, nhưng khi sinh quả thì hiện thành vô số phẩm loại dị tạp.

Các pháp duyên khởi hiển hiện như thế trong Đại thừa là rất sâu xa vi tế. Nếu nói sơ lược có 2 thứ duyên khởi : một là phân biệt tự tính duyên khởi, hai là phân biệt ái phi ái duyên khởi.

Trong đây các pháp y chỉ thức A-lại-da mà sinh khởi là phân biệt tự tính duyên khởi, vì có thể phân biệt các tự tính làm tính của của duyên.

Duyên khởi lại được phân tích làm 12 chi, gọi là phân biệt ái phi ái duyên khởi, vì đối với nẻo thiện nẻo ác có thể phân biệt các tự thể là ái hay phi ái làm tính của duyên.

Trong thức A-lại-da, nếu ngu mê duyên khởi thứ nhất, thì hoặc phân biệt tự tính cho là nhân, hoặc chấp túc tác là nhân, hoặc chấp tự tại biến hóa là nhân, hoặc chấp thật ngã là nhân, hoặc chấp cho là không có nhân không có duyên. Nếu ngu mê duyên khởi thứ hai, thì chấp cái ngã là kẻ tạo tác, cái ngã là kẻ nhận chịu. Ví như có nhiều người mù bẩm sinh chưa từng thấy con voi. Có người đem voi đến nói cho chúng biết. Những người mù kia người sờ được cái vòi, người sờ được ngà, người sờ tai, người sờ chân, người sờ đuôi, người sờ lưng. Có người hỏi con voi hình dáng như thế nào, người thì đáp con voi như cái chuỗi cày, người nói như cái chày, người nói như cái rỗ, người nói như cái cối, người nói như cây chổi, người nói như đá núi. Nếu không hiểu rõ hai duyên khởi này thì cũng như người mù vô minh vậy. Hoặc chấp tự tính là nhân, hoặc chấp thật ngã là nhân, hoặc chấp không nhân không duyên, hoặc chấp cái ngã là kẻ tạo tác, cái ngã là kẻ lãnh chịu. Nhân tính và quả tính của tự tính thức A-lại-da như tự tính con voi mà những người mù không biết.

Nếu nói sơ lược thì thức A-lại-da là thức dị thực. Tất cả chủng tử là tự tính của nó và có thể bao gồm tất cả tự thể, tất cả các nẻo trong 3 cõi. Ở đây có 5 bài tụng như sau :

*Trong ngoài không hiểu rõ,
Thế tục và thắng nghĩa.
Chủng tử có 6 thứ,
Sát-na diệt, câu hữu,
Hằng tùy chuyển nên biết.*

*Quyết định, đợi các duyên,
Chỉ năng dẫn tự quả.
Kiên, vô ký, khả huân,
Tương ưng với năng huân.
Sở huân chẳng phải khác,
Đó là tướng huân tập.
Sáu thức không tương ưng,
Ba sai biệt khác nhau.
Trước sau không câu hữu,
Đồng loại thành sai lầm.
Các chủng tử ngoài trong,
Có năng sinh , năng dẫn.
Như cây khô, người chết,
Thời gian sau mới dứt.*

Để làm rõ chủng tử trong, chẳng phải như chủng tử ngoài, ở đây có 2 bài tụng như sau :

*Ngoài, hoặc không huân tập,
Chẳng phải như ở trong.
Đa văn huân tập không,
Sinh quả, là phi lý.
Làm : mất, không làm : được,
Mâu thuẫn nên thành lỗi.
Chủng tử ngoài, duyên trong,
Là do kia huân tập.*

Lại nữa những chuyển thức khác, phổ biến khắp tất cả tự thể trong các nẻo gọi là thức thụ dụng. Như trong Luận Trung Biên Phân Biệt, có bài tụng nói như sau :

*Một là nhân duyên thức,
Hai là thụ dụng thức.
Trong đây năng thụ dụng,
Phân biệt với tâm hành.*

Như vậy hai thức lại làm duyên cho nhau, như trong Kinh Đại Thừa A-tì-đạt-ma, có bài tụng như sau

:

*Các pháp với tàng thức,
Như tàng thức với pháp.
Thường làm quả cho nhau,
Cũng làm nhân cho nhau.*

Nếu trong duyên khởi thứ nhất, 2 thức làm nhân duyên cho nhau, thì trong duyên khởi thứ hai, duyên gì là tạng thượng duyên ? Như vậy thì 6 thức được bao nhiêu duyên sinh ra ?

Do tạng thượng duyên, sở duyên duyên và đẳng vô gián duyên. Như vậy 3 thức duyên khởi là cùng sinh tử, ái phi ái thú và năng thụ dụng có đủ cả 4 duyên.

Như vậy là đã an lập các tướng và tự tướng sai biệt của thức A-lại-da. Nhưng làm sao biết là tự tướng sai biệt và tướng ấy quyết định chỉ ở thức A-lại-da mà không ở các chuyển thức ?

Bởi vì nếu xa lìa cái thức A-lại-da đã được an lập thì tạp nhiễm và thanh tịnh không thành. Nghĩa là phiền não tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm, sinh tạp nhiễm không thành thì thế gian thanh tịnh, xuất thế gian thanh tịnh cũng không thành.

Vì sao phiền não tạp nhiễm không thành ?

Vì các phiền não và tùy phiền não do huân tập thành chủng tử, nếu nói ở trong 6 thức thân thì không hợp lý. Bởi vì sao ? Nếu nói nhân thức với tham v.v...phiền não và các tùy phiền não cùng sinh cùng diệt, thì chủng tử là do nhân thức này và các phiền não tùy phiền não kia huân tập chứ không do gì khác. Vậy nếu nhân thức này đã diệt rồi, các thức khác xen vào huân tập, thì chỗ sở y của huân tập không thể có được. Như vậy khi các thức khác xen vào thì thức trước hiện không có thật thể. Như vậy nói nhân thức cùng với tham v.v... cùng sinh là không hợp lý. Bởi vì nhân thức kia đã thuộc quá khứ, hiện tại không còn thật thể. Như nói cái nghiệp từ quá khứ, hiện không còn thật thể mà sinh quả dị thực là không hợp lý. Lại nữa nói nhân thức với

tham v.v... cùng sinh nên có huân tập cũng không đúng. Nhưng sự huân tập này không y nơi tham vì tham dục kia là năng y, không kiên trụ, cũng không thể nói trụ ở các thức khác vì các thức khác có sở y riêng biệt, và cũng không quyết định cùng sinh cùng diệt, cũng không thể trụ nơi tự thể được vì tự thể kia quyết định không có cùng sinh cùng diệt. Cho nên nói nhân thức với tham v.v... các phiền não và tùy phiền não có sự huân tập là không hợp lý, mà thức này cũng không phải do thức khác huân tập. Nên biết rằng nhân thức như vậy thì các chuyên thức khác cũng vậy.

Lại nữa, từ các cõi trên như trời Vô tướng chết rồi sinh xuống cõi này, bấy giờ các phiền não và tùy phiền não nhiễm cái thức ban đầu, cái thức này lúc phát sinh đúng ra phải không có chủng tử, vì chỗ y chỉ và những gì thức kia được huân tập đã thành quá khứ, hiện tại không còn thật thể.

Lại nữa, cái thức đối trị phiền não nếu sinh thì tất cả các thức thế gian đều diệt. Bấy giờ nếu tách rời thức A-lại-da mà nói các chủng tử phiền não và tùy phiền não ở trong thức đối trị là không hợp lý, vì tự tính của thức đối trị là giải thoát, nó không cùng sinh diệt với các phiền não và tùy phiền não. Rồi sau đó cái thức thế gian sinh ra lại. Bấy giờ nếu tách rời thức A-lại-da thì các thức huân tập và chỗ y chỉ đã thành quá khứ từ lâu, hiện không còn thật thể thì cái thức thế gian được sinh lại, phải không có chủng tử. Vì vậy cho nên nếu tách rời thức A-lại-da thì mọi phiền não tạp nhiễm đều không thành.

Vì sao nghiệp tạp nhiễm không thành ?

Vì hành là tương ưng duyên với thức, nếu không có thức A-lại-da này thì thủ duyên hữu cũng không phù hợp.

Vì sao sinh tạp nhiễm không thành ?

Vì kết sinh liên tục không hợp lý. Như có người, không phải ở trong định, khi chết sinh về cõi này, ở trong thân trung hữu, khởi ý thức nhiễm ô, kết sinh liên tục, cái ý thức nhiễm ô ấy ở thân trung hữu diệt thì thành cái thức hòa hợp với Yết-la-lam trong thai mẹ. Như vậy tức là ý thức hòa hợp với Yết-la-lam kia, sau khi hòa hợp rồi thì y chỉ vào thức này, trong thai mẹ có ý thức khác chuyển sinh. Nếu vậy tức phải có 2 ý thức đồng thời chuyển sinh trong thai mẹ. Lại nữa, cái thức cùng với Yết-la-lam hòa hợp kia là ý thức thì không hợp lý, vì y vào nhiễm ô, vì thời gian không gián đoạn, vì sở duyên của ý thức không có. Giả sử cái thức hòa hợp là ý thức thì cái ý thức hòa hợp ấy tức là y chỉ của nhất thiết chủng tử thức, hay thức này sinh các ý thức khác nên gọi là nhất thiết chủng tử thức ? Nếu cái thức hòa hợp này là nhất thiết chủng tử thức thì đó tức là thức A-lại-da mà ông dùng tên khác gọi là ý thức. Nếu năng y chỉ thức là nhất thiết chủng tử thức, như vậy tức là sở y nhân thức, chứ không phải nhất thiết chủng tử thức năng y quả thức là nhất thiết chủng tử thức. Vậy là không hợp lý. Cho nên cái thức hòa hợp được thành lập này chẳng phải là ý thức, mà đó là dị thực thức, là nhất thiết chủng tử thức.

Lại nữa sau khi kết sinh liên tục rồi, nếu không có thức dị thực thì sự chấp thụ sắc căn cũng không thể có được. Vì các thức khác đều có chỗ sở y riêng biệt và không kiên trụ. Các sắc căn không thể tách rời thức.

Nếu không có thức dị thực thì thức và danh sắc nương tựa vào nhau mà chuyển như đám cây lau tựa vào nhau mà đứng cũng không thành.

Nếu tách rời thức dị thực thì loài hữu tình sinh ra rồi sẽ không tồn tại bằng thức thực. Bởi vì sao ? Bởi vì trong 6 thức, tùy lấy một thức nào cũng không thể làm việc thức thực cho hữu tình đã sinh trong 3 cõi.

Nếu từ cõi này chết, chính khi thụ sinh ở các cõi trên, do không phải ý thức nhiễm ô cõi trên kết sinh tương tục, nó không phải tâm nhiễm ô của cõi trên. Đây không phải tâm nhiễm ô cõi trên nên lia thức dị thực thì không có được thể của một chủng tử nào khác.

Lại nữa, sinh cõi Vô sắc nếu lia thức dị thực tất cả chủng tử, thì sẽ không có chủng tử thiện tâm ô nhiễm, thiện tâm ô nhiễm không có chỗ nương tựa và duy trì.

Lại nữa, ở cõi Vô sắc kia, khi tâm xuất thể hiện tiền thì các tâm thế gian diệt hết. Bấy giờ đáng lẽ lại phải diệt và rời khỏi cõi Vô sắc kia.

Nếu sinh Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Vô sở hữu xứ, khi tâm xuất thể gian hiện tiền thì hai cõi ấy đều phải diệt và rời khỏi. Cái thức xuất thể gian này không lấy Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm cõi sở y, cũng không lấy Vô sở hữu xứ làm cõi sở y, cũng không phải Niết-bàn là cõi sở y.

Lại nữa người khi sắp chết, do tạo thiện tạo ác, thân thể sẽ lạnh dần từ dưới lên hoặc từ trên xuống. Nếu không tin có thức A-lại-da thì sự thể như vậy không thể có được. Vì vậy nếu không có thức dị thực tất cả chủng tử thì tạp nhiễm trong đời này cũng không thành.

Vì sao sự thanh tịnh của thế gian không thành ?

Nghĩa là người chưa lia bỏ cái tham dục ràng buộc với cõi Dục, chưa được cái tâm gắn bó với cõi Sắc thì lấy cái thiện tâm ràng buộc với cõi Dục làm cái ham muốn gắn bó với sự lia dục mà siêng năng gia công tu hành. Vì cái tâm tu hành ràng buộc với cõi Dục và cái tâm gắn bó với cõi Sắc không cùng sinh cùng diệt, nên không phải được kia huân tập và nói là chủng tử của kia là không hợp lý. Lại nữa, cái tâm gắn bó với cõi Sắc nhiều đời trong quá khứ bị các tâm khác xen cách không thể làm chủng tử cho cái định tâm ngày nay, vì không còn nữa. Vì vậy nên làm thành định tâm gắn bó với cõi Sắc, quả thức dị thực tất cả chủng tử lần lượt truyền lại làm nhân duyên cho hiện nay, còn cái thiện tâm gia hạnh tu hành thì làm duyên tăng thượng. Phải biết lia dục trong tất cả các địa đều như vậy. Như vậy là thanh tịnh thế gian. Nếu lia thức dị thực thì tất cả chủng tử sẽ không thành.

Vì sao thanh tịnh xuất thế gian không thành ?

Nghĩa là như Thế Tôn nói, y theo lời nói từ người khác và trong tâm tác ý đúng như lý, do đó làm nhân sinh ra chính kiến.

Cái tác ý đúng như lý do lời nói từ người khác là huân tập vào nhĩ thức hay huân tập vào ý thức hay huân tập cả hai ?

Nếu tư duy pháp ấy đúng như lý thì bấy giờ nhĩ thức không khởi, ý thức cũng bị các thứ tán động của các thức khác xen vào, nếu khi tương ưng sinh khởi cùng với cái tác ý đúng như lý thì cái ý thức được sự nghe huân tập và sự huân tập kia đã diệt thành quá khứ chắc chắn không còn thật thể, làm sao còn làm chủng tử để sinh ra cái tâm tương ưng với tác ý đúng lý sau này ?

Lại nữa cái tương ưng với tác ý đúng lý này là tâm thế gian, còn cái tương ưng với chính kiến là tâm xuất thế, hai cái chưa từng có lần cùng sinh cùng diệt. Vì vậy cái tâm này không phải do cái tâm kia huân tập. Đã không bị huân tập mà nói là chủng tử của tâm kia là không hợp lý. Cho nên thanh tịnh xuất thế, nếu lia quả thức dị thực tất cả chủng tử, cũng không thành. Vì trong đây cái nghe, huân tập, nhiếp thụ không tương ưng với chủng tử kia.

Lại nữa, vì sao quả thức dị thực tất cả chủng tử là nhân tạp nhiễm, lại có khả năng đối trị xuất thế, còn chủng tử tịnh tâm kia lại là tâm xuất thế, vì từ xưa chưa từng huân tập nên chắc chắn kia không huân tập. Đã không huân tập thì từ chủng tử nào sinh ra ?

Vì vậy nên trả lời rằng do chủng tử huân tập bởi chính văn, từ pháp giới rất thanh tịnh đẳng lưu sinh ra.

Cái văn huân tập này là tự tính của thức A-lại-da hay chẳng phải tự tính của thức A-lại-da ? Nếu là tự tính của thức A-lại-da thì vì sao là chủng tử đối trị A-lại-da ? Nếu không phải tự tính của A-lại-da thì làm sao thấy được chỗ sở y của chủng tử văn huân tập, cho đến chứng được Bồ-đề của chư Phật ?

Cái văn huân tập này tùy chuyển ở một chỗ sở y, trú ngụ trong thức dị thực và hòa hợp cùng chuyển như nước với sữa. Nhưng nó không phải là thức A-lại-da vì nó là chủng tử có tính đối trị với A-lại-da. Trong đây do huân tập bậc thấp thành huân tập bậc trung, do huân tập bậc trung thành huân tập bậc cao vì do nghe, suy nghĩ và tu tập mà đa phần thành tựu do tu tập. Lại nữa phải biết chủng tử của chính văn huân tập bậc thấp, bậc trung, bậc cao đều là chủng tử của pháp thân, trái nghịch với thức A-lại-da, và không bao gồm trong thức A-lại-da. Bởi vì nó là tính đẳng lưu của pháp giới rất thanh tịnh xuất thế gian. Tuy là thế gian mà có tính của chủng tử tâm xuất thế. Lại nữa cái tâm xuất thế này tuy khi chưa sinh, đã có công năng đối trị các phiền não trôi buộ, có công năng đối trị các nẻo hiểm ác, có khả năng đối trị làm hủ mục các ác nghiệp, lại có thể tùy thuận phụng sự tất cả chư Phật Bồ-tát. Phải biết tuy ở thế gian nhưng cũng là pháp thân đạt được của sơ nghiệp Bồ-tát, và đối với Thanh Văn Độc Giác chi mới là giải thoát thân.

Lại nữa cái huân tập này không phải là thức A-lại-da, mà thuộc về pháp thân và giải thoát thân. Nếu như sự huân tập này cứ tuần tự tăng dần từ bậc thấp đến bậc trung, bậc cao thì cũng như vậy quả thức dị thực tuần từ giảm dần tức chuyển cái sở y. Sở y của chủng tử đã chuyển hết rồi, tức quả thức dị thực và tất cả chủng tử chuyển đến không còn chủng tử nữa, tức tất cả chủng tử vĩnh viễn đã hết.

Lại nữa, thế nào gọi là như sữa với nước ?

Nghĩa là không phải thức A-lại-da nhưng đồng một chỗ cùng chuyển với thức A-lại-da. Tất cả chủng tử thức A-lại-da hết thì tất cả chủng tử không phải thức A-lại-da tăng. Ví như con ngỗng uống sữa trong nước. Lại như thế gian khi lia dục thì những huân tập không phải đẳng dẫn địa giảm dần và các huân tập thuộc đẳng dẫn địa tăng dần mà được chuyển y.

Lại nữa nhập Diệt tận định, thức không rời thân như Phật đã nói. Ở đây thức dị thực thành ra phải không rời thân, chứ không phải vì đối trị Diệt tận định này mà sinh.

Cũng không phải xuất định thì thức này sinh trở lại. Do thức dị thực đã gián đoạn, đã lia kết sinh tương tục nên không sinh lại.

Nếu có người chấp cho rằng vì có ý thức nên nói Diệt tận định có tâm thì cái tâm này không thành định vì không thể thành, vì không có hành tướng sở duyên, vì sẽ có lỗi tương ưng với thiện căn, vì bất thiện và vô ký thì không hợp lý, vì sẽ có lỗi hiện hành của tướng và thụ, vì có xúc, vì có công năng đối với Tam-ma-địa, vì sẽ có cái lỗi chỉ diệt tướng mà thôi, vì sẽ có cái lỗi hiện hành của các thiện căn như tư, tín v.v..., vì đánh bật năng y khiến lia sở y là không hợp lý, vì có thí dụ, vì như đây không có phi biến hành.

Lại nữa do nói trong định này có ý thức nên chấp có tâm, thì tâm này là thiện, bất thiện hay vô ký đều không thành nên không hợp lý.

Nếu lại chấp sắc với tâm phát sinh không gián đoạn là chủng tử của các pháp thì không thành, như trước đã nói.

Lại nữa từ các cõi trời Vô sắc, Vô tướng chết, từ Diệt tận định, Vô tướng định xuất định thì sẽ không hợp lý. Lại nữa tâm sau cùng của A-la-hán không thành mà chỉ có thể chấp nhận là đẳng vô gián duyên.

Như vậy nếu lia quả thức dị thực tất cả chủng tử thì tạp nhiễm và thanh tịnh đều không thành. Vì vậy như trước đã nói về tướng, thức A-lại-da quyết định là thật hữu. Ở đây có 3 bài tụng như sau :

*Bỏ-tát trong tịnh tâm,
Xa lia khỏi năm thức.
Không các tâm chuyển y,
Thì lấy gì ra làm.
Nếu đối trị chuyển y,
Nếu chẳng đoạn, không thành.
Nhân quả không sai biệt,
Vĩnh đoạn thành sai lầm.
Không chủng tử, không thể,
Nếu cho là chuyển y,
Không hai kia, vì không,
Chuyển y thành phi lý.*

Lại nữa, sai biệt của thức A-lại-da là như thế nào ?

Nói tổng quát có 3 thứ hoặc 4 thứ. Trong đây 3 thứ tức 3 thứ huân tập sai biệt : một là danh ngôn huân tập sai biệt, hai là ngã kiến huân tập sai biệt, ba là hữu chi huân tập sai biệt; 4 thứ là : một là dẫn phát sai biệt, hai là dị thực sai biệt, ba là duyên tướng sai biệt, bốn là tướng mạo sai biệt.

Trong đây dẫn phát sai biệt là sự huân tập mới khởi. Nếu cái này không, thì hành duyên thức, thủ duyên hữu sẽ không thành. Dị thực sai biệt là do hành và hữu làm duyên nên có thức dị thực sai biệt trong các nẻo đường sinh tử. Nếu không có cái này thì không có chủng tử, sẽ không có các pháp phát sinh về sau. Duyên tướng sai biệt là cái tướng ngã chấp nơi ý. Nếu không có cái này thì trong ý ô nhiễm sẽ không có ngã chấp sở duyên. Tướng mạo sai biệt là thức này có tướng chung, có tướng không chung, có tướng chủng tử không thụ sinh và có tướng chủng tử thụ sinh. Tướng chung là chủng tử thể gian như cái đồ đựng. Tướng không chung là các chủng tử riêng biệt chứa đựng bên trong. Tướng chung tức chủng tử không thụ sinh. Tướng không chung tức chủng tử có thụ sinh. Khi có sự đối trị sinh khởi thì chỉ tướng không chung bị diệt, còn tướng chung thì được người khác duy trì nên chỉ thấy thanh tịnh. Như các sư Du-già, trong một vật có nhiều chỗ thấy và biết khác nhau. Ở đây có hai bài tụng như sau :

*Khó diệt khó biết hết,
Nên gọi là cộng kết.
Sư Du-già bất đồng,
Do tướng ngoài rộng lớn.
Người thanh tịnh chưa diệt,
Mà vẫn thấy thanh tịnh.
Và cõi Phật thanh tịnh,
Do Phật thấy thanh tịnh.*

Lại có bài tụng khác nói về các thấy biết khác nhau nói trên :

*Các sư Du-già nơi một vật,
Có nhiều kiến giải không đồng nhau.*

*Các thứ kiến giải đều thành tựu,
Nên biết sở thú chỉ có thức.*

Nếu không có cái này thì sự sinh khởi sai biệt của khí thể gian và hữu tình thể gian sẽ không thành.

Lại có tướng thô nặng và tướng nhẹ nhàng. Tướng thô nặng là chủng tử của phiền não và tùy phiền não. Tướng nhẹ nhàng là chủng tử của thiện pháp hữu lậu. Nếu không có cái này thì sở cảm dị thực là không kham năng, còn cái kham năng sở y sai biệt thì không thành.

Lại có hữu thụ tận tướng và vô thụ tận tướng. Hữu thụ tận tướng là chủng tử thiện bất thiện đã thành quả báo dị thực. Vô thụ tận tướng là chủng tử danh ngôn huân tập, các thứ chủng tử hý luận trôi nổi từ vô thủy đến nay. Nếu không có cái này thì 2 nghiệp thiện ác đã tạo với quả báo thụ hết là không thành. Lại nữa sự sinh khởi các danh ngôn mới huân tập sẽ không thành.

Lại có các tướng thí dụ. Nghĩa là thức A-lại-da có những thí dụ như ảo hóa, sóng năng, chiêm bao, đau mắt. Nếu không có cái này thì những chủng tử biến kế không thật điên đảo duyên tương ưng không thành.

Lại nữa có tướng đầy đủ, có tướng không đầy đủ. Nghĩa là đầy đủ các trói buộc gọi là tướng đầy đủ. Là dục thể gian gọi là tướng tổn giảm. Hàng Thanh Văn hữu học và các Bồ-tát đã đánh bật vĩnh viễn một phần các tướng. A-la-hán, Độc Giác là hoàn toàn vĩnh viễn đánh bật các tướng phiền não chướng, và chư Như Lai là hoàn toàn vĩnh viễn đánh bật các tướng phiền não sở tri. Thích ứng đúng như vậy. Nếu không cái này thì sự tạp nhiễm và hoàn diệt tuần tự như trên sẽ không thành.

Vì nhân duyên gì các pháp thiện bất thiện có thể cảm dị thực trong khi quả dị thực là vô phú vô ký ?

Vì do quả dị thực là vô phú vô ký, không mâu thuẫn với thiện hoặc bất thiện, nên không trái chống với thiện hay bất thiện. Nếu tính của quả dị thực là thiện hay bất thiện thì tác dụng tạp nhiễm hay hoàn diệt sẽ không thành. Vì vậy nên thức dị thực chỉ là vô phú vô ký.

NHIỆP ĐẠI THỪA LUẬN BẢN
Quyển Thượng
(Hết)

NHIỆP ĐẠI THỪA LUẬN BẢN
Quyển Trung

*Vô Trước Bồ-tát tạo luận
Tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Phần thứ ba : Sở tri tướng

Đã nói về sở tri y, còn sở tri tướng nên quán như thế nào ?

Đại khái có 3 thứ : một là tướng y tha khởi, hai là tướng biến kế sở chấp, ba là tướng viên thành thật.

Thế nào là tướng y tha khởi ?

Nghĩa là thức A-lại-da làm chủng tử, hư vọng phân biệt gồm sáu thức.

Thế là thế nào ?

Nghĩa là các thức sai biệt như thân thức, thân giả thức, bị sở thụ thức, bị năng thụ thức, thể thức, sở thức, xứ thức, ngôn thuyết thức, tự tha sai biệt thức, thiện thú ác thú từ sinh thức. Trong đây nếu thân thức, thân giả thức, thụ giả thức, bị sở thụ thức, bị năng thụ thức, thể thức, sở thức, xứ thức, ngôn thuyết thức thì do chủng tử danh ngôn huân tập. Nếu là tự tha sai biệt thức, tức do chủng tử ngã kiến huân tập. Nếu là thức thiện thú ác thú sinh từ, tức do chủng tử hữu chi huân tập. Do các thức này bao gồm tạp nhiễm tất cả các cõi chúng sinh nên hiển hiện sự phân biệt của tướng y tha khởi. Như vậy các thức đều thuộc hư vọng phân biệt, nên tính của duy thức là vô sở hữu, không nơi căn cứ cho nghĩa chân thật. Đó là tướng y tha khởi.

Thế nào là tướng biến kế sở chấp ?

Nghĩa là trong duy thức không có nghĩa chân thật, chỉ hiển hiện nghĩa tương tự mà thôi.

Thế nào là tướng viên thành thật ?

Nghĩa là ở nơi tướng y tha khởi kia, do là tướng của nghĩa tương tự nên vĩnh viễn không có thật tính.

Phải biết trong các thức này, thân thức, thân giả thức và thụ giả thức là 6 nội giới như nhãn v.v... Sở thụ thức kia, tức 6 ngoại giới như sắc v.v... Năng thụ thức kia tức là 6 thức giới như nhãn v.v... Ngoài ra các thức khác tức các sai biệt của các thức trên đây.

Lại nữa các thức đều chỉ có thức mà không có thật, vậy lấy ví dụ gì để thấy rõ ?

Để thấy rõ, các thí dụ thường dùng như chiêm bao v.v...Nghĩa là như trong chiêm bao, không có gì là thật mà chỉ có thức. Tuy có các ảnh tượng giống thật hiện ra như sắc, thanh, hương, vị, xúc, nhà cửa, đất đai, rừng núi. Những thứ này đều không có thật. Do thí dụ này phải biết rõ lúc nào, nơi nào cũng chỉ có thức. Chữ v.v...nghĩa là ngoài thí dụ chiêm bao còn những thí dụ khác nữa như ảo thuật, cuồng say, con nai khát nước, hoa mắt.

Khi ngủ đã thức dậy thì lúc ấy, nơi ấy đều là cảnh chiêm bao v.v... chỉ có thức. Như từ chiêm bao thức dậy mới biết trong chiêm bao đều chỉ có thức.

Thế sao lúc đang thức không có sự hiểu biết như vậy ?

Khi có chân trí giác ngộ thì hiểu biết như vậy. Như ở trong chiêm bao thì không có sự hiểu biết này. Từ chiêm bao thức dậy rồi mới có sự hiểu biết này. Cũng giống như vậy, khi chưa được chân trí giác ngộ thì không có sự hiểu biết này. Được chân trí giác ngộ mới thấy biết được như vậy.

Người chưa được chân trí giác ngộ, đối với đạo lý duy thức làm sao đối chiếu biết được ?

Do giáo và lý có thể đối chiếu biết được. Giáo là như Kinh Thập Địa, Phật nói 3 cõi chỉ có tâm mà thôi. Phật cũng nói như vậy trong Kinh Giải Thâm Mật. Trong kinh ấy, Bồ-tát Từ Thị hỏi Thế Tôn :

Các ảnh tượng của hành tướng trong Tam-ma-địa là khác hay không khác với tâm ?

Phật bảo Từ Thị : Phải nói là không khác. Bởi vì sao ? Bởi các ảnh tượng kia chỉ là thức, nên ta nói do thức duyên, chỉ do thức hiện khởi.

-Thế Tôn ! Nếu ảnh tượng của các hành tướng trong Tam-ma-địa không khác với tâm này thì sao tâm này trở lại chấp lấy cái tâm này ?

-Từ Thị ! Không có một tí pháp nào có thể chấp lấy một tí pháp nào. Nhưng tâm ấy khi sinh khởi tức có hiện ra ảnh tượng như vậy. Như bản chất làm duyên trở lại thấy bản chất. Như nói nay ta thấy ảnh tượng, và bảo rằng lia bản chất mà có ảnh tượng để thấy, thì ảnh tượng hiện ra kia với tâm này cũng vậy. Như vậy khi tâm sinh khởi thì thấy có ảnh tượng tương tự hiện ra.

Do giáo nghĩa này mà lý cũng được hiển lộ. Bởi vì sao ? Vì trong định, tùy tâm quán thấy các hiện tượng như toàn một màu xanh bầm mà không một màu nào khác. Màu xanh bầm là chỉ thấy tự tâm. Do đạo lý này Bồ-tát đối với tất cả cảnh hiện trong thức đều có thể đối chiếu mà biết là đều chỉ có thức, không có cảnh giới thật.

Lại nữa cái màu xanh bầm không phải do thức duy trì và hồi ức, cái thấy là duyên cảnh hiện tiền trước mắt. Và cái nghe và suy nghĩ thành ra 2 cái gìn giữ và nhớ lại cũng lấy quá khứ làm cảnh sở duyên, cho nên ảnh tượng hiện ra cũng là duy thức. Do từ tỷ lượng này, Bồ-tát tuy chưa được chân trí giác ngộ cũng có thể đối chiếu mà biết được lý duy thức.

Như vậy là đã nói các thức ví dụ như chiêm bao v.v... Tức trong các ví dụ, nhãn thức v.v...các thức đều có thể thành duy thức. Nhưng nhãn thức v.v... các thức đã là có sắc cảnh, mà cũng là chỉ có thức, thì làm sao thấy được ?

Đây cũng giống như trước, nghĩa là phải suy từ giáo và lý.

Nếu các thức này, bản thể cũng là thức thì tại sao hiển hiện tương tự tính chất của sắc và liên tục tồn tại ?

Vì cùng với các pháp tạp nhiễm điên đảo làm chỗ dựa. Nếu không như vậy thì trong phi nghĩa đã không khởi nghĩa điên đảo. Nếu không thì đã không có 2 chương tạp nhiễm là phiền não và sở tri. Nếu không thì cũng không có các pháp thanh tịnh. Vì vậy các thức đã chuyển biến như vậy. Ở đây có bài tụng như sau :

*Loạn tướng và loạn thể,
Đều cho là sắc thức,
Cùng với phi sắc thức,
Nếu không, mọi sự không.*

Vì sao thân thức, thân giả thức, thụ giả thức, sở thụ thức, năng thụ thức đều cùng tồn tại cùng hòa hợp chuyển biến trong tất cả thân ?

Vì vậy mới có thể thể hiện đầy đủ sự thụ dụng trong đời sống.

Vì sao thế thức v.v...các thức có chuyển biến sai biệt ?

Vì từ vô thủy đến nay sinh tử lưu chuyển không đoạn dứt. Vì thế giới chúng sinh không số lượng. Vì thế giới như cái đồ đựng không số lượng. Vì ngôn ngữ nói về các việc làm không số lượng. Vì các sự gìn giữ, thụ dụng khác nhau không số lượng. Vì sự thụ dụng quả dị thực của nghiệp ái phi ái khác nhau không số lượng. Vì chịu các thứ sinh tử khác nhau không số lượng.

Lại nữa, làm thế nào thành lập các thức như vậy làm tính của duy thức ?

Nói sơ lược có 3 tướng : một là do chỉ có thức mà không có thật, hai là do 2 tính mà có 2 thức tướng phân và kiến phân khác nhau, ba là do rất nhiều thứ hành tướng sinh khởi. Bởi vì sao ? Vì tất cả thức không có thật nên thành duy thức. Bởi có tướng phân và kiến phân nên thành 2 thức thức. Nếu các thức như nhân thức v.v... lấy các thức như sắc thức v.v... làm tướng phân, thì lấy cái thức của nhân thức làm kiến phân, cho đến cái thức của thân thức làm kiến phân. Nếu ý thức lấy tất cả các thức từ đầu tiên là nhân thức đến cuối cùng là pháp thức làm tướng phân, thì lấy thức của ý thức làm kiến phân. Do đó ý thức có phân biệt, tương tự như tất cả thức mà sinh khởi. Ở đây có bài tụng như sau :

*Duy thức : hai, nhiều thứ,
Quán như vậy : ngộ nhập.
Do ngộ nhập duy thức,
Chiết phục rồi thoát ly.*

Lại ở đây có một số sư nói chỉ có một ý thức. Ý thức ấy tùy chuyển mà có các tên khác nhau. Như nghiệp của ý, gọi là thân nghiệp, ngữ nghiệp.

Lại nữa ở tất cả nơi sở y, khi chuyển biến thì sinh nhiều thứ ảnh tượng gồm có 2 loại : ảnh tượng thật và ảnh tượng phân biệt. Lại nữa ở tất cả mọi nơi sự chuyển biến tựa ý thức chạm xúc ảnh tượng. Trong thế giới có hình sắc thì ý thức này dựa vào thân, như các sắc căn nương tựa vào thân vậy. Ở đây có bài tụng như sau :

*Đi xa, đi một mình,
Không thân ngủ trong hang.
Điều phục tâm khó trị,
Là chân thật phạm chí.*

Lại như kinh nói các cảnh giới mà 5 căn đi qua, ý thức đều có thể tiếp thụ. Ý thức là chỗ dựa của 5 căn.

Lại có chỗ nói trong 12 xứ, 6 thức thân đều gọi là ý xứ. Nếu nơi nào lập thức A-lại-da làm thức thật thì nên biết rằng tất cả các thức khác là thức tướng phân của nó. Nếu ý thức và các thức nó y chỉ là thức kiến phân của nó. Do thức tướng phân kia là tướng sinh duyên của thức kiến phân. Khi tựa như thật hiển hiện thì nó có thể làm chỗ y chỉ cho thức kiến phân sinh khởi. Như vậy là đã xác lập các thức thành tính của duy thức.

Mọi sự thật hiện tiền rõ ràng mà làm sao biết rằng nó không phải thật có ?

Như Thế Tôn nói : Nếu Bồ-tát thành tựu 4 pháp có thể ngộ nhập tất cả duy thức, tất cả đều không có thật. Một là thành tựu cái trí biết thức tướng trái nhau. Như ngựa quý, bàng sinh và chư thiên đối với cùng một sự việc mà có sự thấy biết khác nhau. Hai là thành tựu cái trí biết không có cảnh sở duyên mà thức vẫn có thể có hiện hành. Như duyên quá khứ, vị lai, ảnh tượng trong chiêm bao. Ba là thành tựu cái trí biết phải lia sự dụng công mà không điên đảo. Như trong thật nghĩa có thể duyên nghĩa thức mà không điên đảo, vì chân thật không do dụng công. Bốn là thành tựu 3 cái thắng trí biết tùy chuyển. Những gì là ba ? Một là được tâm tự tại. Tất cả Bồ-tát được tinh lự tùy theo sức thắng giải mà các nghĩa hiển hiện. Hai là người được pháp tu quán Xa-ma-tha thì vừa tác ý các nghĩa liền hiển hiện. Ba là người đã được trí vô phân biệt thì trước khi trí vô phân biệt hiện tiền, các nghĩa đều không hiển hiện. Do 3 thứ thắng trí tùy chuyển đây với 3 thứ nhân duyên nói trên mà thành tựu lý thật và không thật.

Nếu tự tính y tha khởi thật chỉ có thức, làm chỗ y chỉ cho những hiển hiện không thật thì sao gọi là y tha khởi ? Vì nhân duyên gì gọi là y tha khởi ?

Từ chúng tử luân tập sinh ra, do duyên cái khác mà sinh khởi nên gọi là y tha khởi. Sau khi sinh ra một sát-na không có công năng mà tự nhiên tồn tại nên gọi là y tha khởi.

Nếu tự tính biến kế sở chấp dựa vào y tha khởi, hiển hiện tựa như thật mà không thật có thì sao thành biến kế sở chấp ? Vì nhân duyên gì gọi là biến kế sở chấp ?

Vì là hành tướng của ý thức, chấp trước khắp cả điên đảo sinh ra, nên gọi là biến kế sở chấp. Vì không có tự tướng, chỉ do chấp trước khắp cả mà được, nên gọi là biến kế sở chấp.

Nếu tự tính viên thành thật là vĩnh viễn không còn tướng biến kế sở chấp thì thế nào là thành viên thành thật ? Do nhân duyên gì gọi là viên thành thật ?

Do tính không biến đổi nên gọi là viên thành thật. Lại do tính nó là sở duyên của thanh tịnh, là tính vượt trội hơn tất cả thiện pháp. Do nghĩa vượt trội này mà gọi là viên thành thật.

Lại nữa có năng biến kế, có sở biến kế mới thành tự tính của biến kế sở chấp. Vậy cái gì là năng biến kế, cái gì là sở biến kế, cái gì là tự tính của biến kế sở chấp ?

Ý thức là năng biến kế, vì có phân biệt. Bởi vì sao ? Vì ý thức này dùng danh ngôn tự huân tập làm chủng tử, và dùng danh ngôn huân tập của tất cả thức làm chủng tử, cho nên ý thức có vô số hành tướng phân biệt chuyển biến khắp tất cả sự phân biệt kế đặc nên gọi là biến kế. Còn tự tính y tha khởi gọi là sở biến kế. Lại nếu do cái tướng này khiến cho tự tính y tha khởi thành biến kế, thì gọi là tự tính biến kế sở chấp. Do tướng như vậy mà có nghĩa như vậy.

Lại nữa thế nào là biến kế có thể kế đặc khắp cả ? Duyên cảnh giới nào ? Thủ lấy tướng mạo gì ? Do cái gì chấp trước ? Lấy cái gì khởi lên ngôn ngữ ? Lấy cái gì nói năng ? Tăng ích cái gì ?

Do duyên tên gọi làm cảnh. Trong tự tính y tha khởi, thủ lấy tướng mạo của y tha khởi. Do vọng kiến mà chấp trước. Lấy sự tìm cầu mà khởi lên ngôn ngữ. Do 4 thứ thấy, nghe, hay, biết mà khởi lên sự nói năng. Trong sự không thật, tăng thêm sự hiện hữu. Do đó biến kế có thể kế đặc khắp tất cả.

Lại nữa 3 tự tính này khác nhau hay không khác nhau ?

Phải nói là chẳng khác, chẳng phải không khác. Nghĩa là tự tính y tha khởi là do từ một cái khác mà thành ra có y tha khởi. Tức là tự tính này là do cái khác nên thành biến kế sở chấp. Tức là tự tính này là do cái khác nên thành viên thành thật.

Vậy do cái khác gì mà tính y tha khởi này thành y tha khởi ?

Là do các chủng tử y tha huân tập sinh khởi.

Do cái khác gì mà tính y tha khởi này thành biến kế sở chấp ?

Là do tướng sở duyên của biến kế, và cũng là sở biến kế của biến kế.

Do cái khác gì mà tính y tha khởi này thành viên thành thật ?

Là như biến kế tất cả rồi mà không thật có như đã biến kế.

Ba tự tính này, mỗi tính có bao nhiêu thứ ?

Y tha khởi đại khái có 2 thứ. Một là do chủng tử y tha huân tập sinh ra. Hai là không thành tính y tha là tạp nhiễm hay thanh tịnh. Do có 2 thứ y tha khác biệt nên gọi là y tha khởi.

Biến kế sở chấp cũng có 2 thứ. Một là tự tính biến kế chấp. Hai là sai biệt biến kế chấp. Do đó nên gọi là biến kế sở chấp.

Tính viên thành thật cũng có 2 thứ. Một là tự tính viên thành thật. Hai là thanh tịnh viên thành thật. Do đó nên gọi là tính viên thành thật.

Lại nữa biến kế có 4 thứ : 1. tự tính biến kế, 2. sai biệt biến kế, 3. hữu giác biến kế, 4. vô giác biến kế. Hữu giác là giới về danh ngôn. Bất giác là không thông thạo danh ngôn. Do đó biến kế lại có 5 thứ : Một là y danh biến kế nghĩa tự tính. Nghĩa là tên gọi như vậy thì có nghĩa như vậy. Hai là y nghĩa biến kế danh tự tính. Nghĩa là theo nghĩa như vậy thì có tên như vậy. Ba là y danh biến kế danh tự tính. Nghĩa là y theo tên mà biến kế tất cả các tên chưa rõ nghĩa. Bốn là y nghĩa biến kế nghĩa tự tính. Nghĩa là kế đặc tất cả các nghĩa mà chưa biết tên. Năm là y theo 2 biến kế và 2 tự tính. Nghĩa là kế đặc khắp cả tên như vậy, nghĩa như vậy và thể tính như vậy.

Lại nữa gồm thấu tất cả phân biệt thì đại lược có 10 thứ. Một là phân biệt căn bản, tức là thức A-lại-da. Hai là phân biệt về duyên tướng, tức sắc thức v.v... Ba là phân biệt về hiện tướng, tức nhãn thức v.v... và thức sở y. Bốn là phân biệt về sự biến đổi của duyên tướng, tức như biến đổi thành già, biến đổi cảm thụ vui v.v..., biến đổi vì tham v.v..., biến đổi khó chịu vì thời tiết thay đổi, biến đổi các nẻo đường chúng sinh như Nại-lạc-ca v.v... và biến đổi các cõi như cõi Dục v.v... Năm là phân biệt về biến đổi của hiện tướng, tức biến đổi của các biến đổi nói trên. Sáu là phân biệt do từ người khác đưa đến, tức phân biệt khi nghe phi pháp và nghe chính pháp. Bảy là phân biệt không đúng lý, tức như phân biệt của ngoại đạo nghe các pháp không đúng chính pháp. Tám là phân biệt đúng lý, tức phân biệt các loại chính pháp khi nghe chính pháp. Chín là phân biệt chấp trước, tức phân biệt thuộc loại tác ý không đúng, như tương ưng 62 kiến chấp lấy Tát-ca-da kiến làm gốc. Mười là phân biệt tán động, tức 10 thứ phân biệt của Bồ-tát. Đó là : 1. tán động không có tướng, 2. tán động có tướng, 3. tán động tăng ích, 4. tán động tôn giảm, 5. tán động một tính, 6. tán động khác tính, 7. tán động tự tính, 8. tán động sai biệt, 9. tán động lấy nghĩa theo tên, 10. tán động lấy tên theo nghĩa. Để đối trị 10 thứ tán động này, trong tất cả Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói trí vô phân biệt. Như vậy phải biết sở trị năng trị đều gồm thấu đầy đủ nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu do tự tướng sai biệt mà tự tính của y tha khởi có 3 tự tính thì tại sao 3 tự tính không thành ra không khác nhau ?

Vì nếu do tự tướng sai biệt mà thành y tha khởi thì không do đó mà thành biến kế sở chấp và viên thành thật. Nếu do tự tướng sai biệt mà y tha khởi thành biến kế sở chấp thì không do đó mà thành y tha khởi

và viên thành thật. Nếu do tự tướng sai biệt mà y tha khởi thành viên thành thật thì không do đó mà thành y tha khởi và biến kế sở chấp.

Lại nữa làm sao biết được, như tự tính y tha khởi, tự tính biến kế sở chấp hiển hiện nhưng không xứng thể ?

Vì trước khi có cái tên thì cái biết không có, nói xứng thể là mâu thuẫn. Do tên có nhiều, nhiều mâu thuẫn với thể. Cho nên do tên không quyết định mà mâu thuẫn với tạp thể. Ở đây có 2 bài tụng như sau :

*Trước tên , không trí giác,
Tên nhiều không nhất định.
Thành xứng thể, nhiều thể,
Tạp thể mâu thuẫn nhau.
Pháp không mà như có,
Không nhiễm mà có tịnh.
Nên biết như ảo thuật,
Cũng tựa như hư không.*

Lại nữa vì sao như chỗ hiển hiện là không thật có, mà tự tính y tha khởi không phải tất cả , tất cả đều không có. Nếu tự tính y tha khởi là không, thì tự tính viên thành thật cũng không. Nếu tự tính y tha khởi là không , thì tất cả đều không. Nếu tự tính y tha khởi và viên thành thật là không, thì sẽ thành cái lỗi là không có nhiễm tịnh. Nhưng tạp nhiễm và thanh tịnh đã là hiện có, cho nên không nên nói tất cả đều không. Ở đây có bài tụng như sau :

*Nếu không y tha khởi,
Viên thành thật cũng không.
Nhất thiết chủng nếu không,
Mãi mãi không nhiễm tịnh.*

Chư Phật Thế Tôn nói giáo nghĩa Phương Quảng trong Đại thừa. Giáo nghĩa ấy nói như sau :

Nên biết tự tính của biến kế sở chấp như thế nào ?

Nên biết vì tự tướng sai biệt nên nói là không thật có.

Nên biết tự tính của y tha khởi như thế nào ?

Nên biết nó như ảo thuật, như sóng nắng, như chiêm bao, như ảnh tượng, như bóng sáng, như tiếng vang trong hang, như trăng dưới nước, như biến hóa.

Nên biết tự tính của viên thành thật như thế nào ?

Nên biết nói rõ 4 pháp thanh tịnh. Những gì là 4 pháp thanh tịnh ? Một là tự tính thanh tịnh, tức thẳng nghĩa của pháp giới chân như, chân không, và thật tế không có tướng. Hai là lìa cấu uế thanh tịnh, tức lìa tất cả các chướng như bản. Ba là được thanh tịnh đạo, tức các pháp Bồ-đề phần, Ba-la-mật-đa v.v... Bốn là sinh cảnh thanh tịnh, tức các giáo pháp Đại thừa vi diệu, duyên từ giáo pháp thanh tịnh này nên chẳng phải là tự tính biến kế sở chấp, là tính đấng lưu của pháp giới rất thanh tịnh nên chẳng phải là tự tính y tha khởi. Như vậy 4 pháp này gồm tất cả các pháp thanh tịnh. Ở đây có 2 bài tụng như sau :

*Như huyền, là nói sinh,
Nói không, là biến kế,
Nói 4 thứ thanh tịnh,
Là nói viên thành thật.
Tự tính và ly cấu,
Thanh tịnh đạo sở duyên,
Tất cả pháp thanh tịnh,
Đều gồm trong 4 tướng.*

Lại nữa vì lý do gì kinh nói tự tính y tha khởi ví như ảo hóa v.v... ?

Vì để trừ mọi nghi ngờ hư vọng đối với tự tính y tha khởi.

Những mọi nghi ngờ ấy như thế nào ?

Là những nghi ngờ hư vọng đối với tự tính y tha khởi, do đó nghi ngờ như sau :

Vì sao không thật có, mà thành cảnh giới của hiện hành được ?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như ảo hóa.

Vì sao không thật có, mà có tâm tâm sở pháp chuyển biến ?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như sóng nắng.

Vì sao không thật có, mà có các thụ dụng sai biệt đáng ưa , không đáng ưa ?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như chiêm bao.

Vì sao không thật có, mà lại sinh các quả báo đáng ưa không đáng ưa của các nghiệp tịnh và bất tịnh khác nhau ?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như ảnh tượng.

Vì sao không thật có, mà có các thức chuyển biến ?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như bóng sáng.

Vì sao không thật có, mà có những phát ngôn vô nghĩa ?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như tiếng vang trong hang.

Vì sao không thật có, mà thật có các cảnh Tam-ma-địa chuyển hiện ?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như trăng trong nước.

Vì sao không thật có, mà các Bồ-tát dùng tâm không điên đảo, thụ sinh để làm việc lợi lạc hữu tình ?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như biên hóa.

Thế Tôn dựa vào mật ý gì, trong Kinh Phạm Vấn nói : Như Lai không sinh tử, không Niết-bàn ?

Mật ý của Như Lai là nói trong tự tính của y tha khởi, biến kế sở chấp và viên thành thật, sinh tử và Niết-bàn không sai biệt. Bởi vì sao ? Vì chính nơi tự tính y tha khởi, do biến kế sở chấp phân thành sinh tử, do viên thành thật phân thành Niết-bàn.

Trong Kinh Đại Thừa A-ti-đạt-ma, Bạc-già-phạm nói có 3 thứ pháp : một là tạp nhiễm, hai là thanh tịnh và ba là hai phần ấy.

Thế Tôn dựa vào mật ý gì đã nói như vậy ?

Tức là trong tự tính của y tha khởi thì tự tính của biến kế sở chấp là phần tạp nhiễm, tự tính của viên thành thật là phần thanh tịnh. Tức y tha khởi là 2 phần ấy. Dựa vào mật ý ấy Thế Tôn đã nói như vậy.

Lấy thí dụ gì để làm rõ nghĩa này ?

Làm rõ nghĩa này bằng thí dụ đất có chứa vàng. Ví như trong thế gian có 3 thứ có thể được trong đất có vàng : một là cõi địa giới, hai là đất, ba là vàng. Trong cõi địa giới, đất không phải thật có mà có thể có được, vàng là thật có mà không thể có được, khi dùng lửa nung luyện, tướng đất không hiện mà tướng vàng hiện ra. Vì vậy cõi địa giới là 2 phần kia. Thức cũng như vậy, khi lửa trí vô phân biệt chưa nung luyện thì trong thức này hiển hiện những hư vọng của tự tính biến kế sở chấp, còn cái chân thật của tự tính viên thành thật không hiện ra. Nếu thức này khi được lửa trí vô phân biệt nung luyện thì cái chân thật của tự tính viên thành thật trong thức này hiển hiện, còn những hư vọng của tự tính biến kế sở chấp không hiện ra. Vì vậy cái thức hư vọng phân biệt này, tự tính y tha khởi có 2 phần ấy, như vàng và đất ở trong cõi địa giới.

Thế Tôn có chỗ nói các pháp là thường, có chỗ nói các pháp là vô thường, có chỗ nói tất cả pháp là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Dựa vào mật ý gì mà Thế Tôn nói như vậy ?

Nghĩa là nơi tự tính y tha khởi, do tính viên thành thật phân ra thành thường, do tính biến kế sở chấp phân ra vô thường, và do 2 phần ấy mà thành phi thường phi vô thường. Dựa vào mật ý này, Thế Tôn đã nói như vậy. Như thường vô thường và không hai thì như vậy khổ, vui và không hai, tịnh bất tịnh và không hai, không bất không và không hai, ngã vô ngã và không hai, tịch tĩnh không tịch tĩnh và không hai, có tự tính không tự tính và không hai, sinh không sinh và không hai, diệt bất diệt và không hai, bản lai tịch tĩnh chẳng phải bản lai tịch tĩnh và không hai, tự tính Niết-bàn chẳng phải tự tính Niết-bàn và không hai, sinh tử Niết-bàn và không hai cũng vậy. Những sai biệt như vậy toàn là mật ngữ của chư Phật, phải do 3 tự tính mà quyết định mới hợp lý, như trên nói thường vô thường v.v... Ở đây có một số bài tụng như sau :

*Các pháp không thật có,
Nhưng có nhiều biểu hiện.
Phi pháp phi phi pháp,
Nên nói nghĩa không hai.
Y một phần khai hiển,
Thì hữu hoặc phi hữu.
Y hai phần mà nói,
Phi hữu, phi phi hữu.
Như hiển hiện phi hữu,
Cho nên nói là không.
Do hiển hiện như vậy,*

*Cho nên nói là có,
Tự nhiên tự thể không,
Tự tính không kiên trụ,
Như chấp thủ không có,
Cho là không tự tính,
Do không tự tính nên
Là y chỉ sau đây.
Vốn lặng không sinh diệt,
Tự tính Bát-niết-bàn.*

Lại có 4 thứ ý thú và 4 thứ bí mật, tất cả lời Phật nói phải quyết định tùy trường hợp.

Bốn ý thú là : Một là ý thú bình đẳng. Nghĩa là như nói ta xưa kia khi ấy từng ở nơi ấy là bậc chính đẳng giác tên là Thắng Quán. Hai là ý thú khác thời. Nghĩa là như nói : Ai niệm danh hiệu đức Đa Bảo Như Lai tức đã được quyết định vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Lại như nói : Do chỉ cần phát nguyện, liền được vãng sinh thế giới Cực Lạc. Ba là ý thú khác nghĩa. Nghĩa là như nói : Nếu đã được gặp và phụng sự chư Phật nhiều như số cát sông Hằng thì mới có thể hiểu nghĩa pháp Đại thừa. Bốn là ý thú tùy ý lạc của chúng sinh. Nghĩa là vì một chúng sinh mà trước khen ngợi sự bố thí sau lại chê. Đối với bố thí như vậy thì đối với việc trì giới và một phần tu pháp cũng như vậy. Đó gọi là 4 thứ ý thú.

Bốn bí mật là : Một là bí mật về sự khiến dẫn nhập. Nghĩa là trong Thanh Văn thừa hoặc trong Đại thừa, dựa vào lý thể tục để nói có tự tính sai biệt của chúng sinh và các pháp. Hai là bí mật về tướng. Nghĩa là ở nơi đó nói tướng của các pháp làm rõ 3 tự tính. Ba là bí mật đối trị. Nghĩa là ở nơi đó nói 8 vạn 4 ngàn hành tướng đối trị. Bốn là bí mật chuyển biến. Nghĩa là ở nơi đó dùng lời, dùng chữ có nghĩa đặc biệt để hiển thị ý nghĩa đặc biệt. Như có bài tụng như sau :

*Biết không vững là vững,
Trụ giữa nơi điên đảo.
Phiền não quấy cùng cực,
Được Bồ-đề cao tột.*

Nếu có người muốn giải thích pháp Đại thừa thì đại khái nên giải thích theo 3 tướng : Một là theo thuyết duyên khởi. Hai là nói về tướng của các pháp do từ duyên sinh. Ba là nói theo ngữ nghĩa.

Trong đây, nói duyên khởi là như nói :

*Các pháp huân tập sinh,
Cái này từ cái kia.
Dị thực và chuyển thức,
Cùng nhau làm duyên sinh.*

Lại nữa pháp tướng của chuyển thức kia có tướng có kiến thức làm tự tính. Chuyển thức kia lấy chỗ sở y làm tướng, lấy biến kế sở chấp làm tướng, lấy pháp tính làm tướng. Do đó hiển thị tướng của 3 tự tính, như nói :

*Từ có tướng có kiến,
Nên biết 3 tướng kia.*

Lại nữa nên giải thích 3 tướng kia như thế nào ?

Nghĩa là trong tướng y tha khởi, tướng biến kế sở chấp thì không, tướng viên thành thật thì có. Do 2 thứ không có với có này mà không được và được, chưa thấy và thấy, với chân như là đồng thời. Nghĩa là nơi y tha khởi, trong tự tính không có biến kế sở chấp mà có viên thành thật nên khi chuyển theo nhiệm tịnh thì nếu được kia thì không được đây, nếu được đây thì không được kia. Như nói :

*Y tha : không biến kế,
Mà thành thật thì có.
Cho nên được, không được,
Trong đó hai bình đẳng.*

Nói về ngữ nghĩa, tức là trước nói câu đầu, sau dùng những câu khác phân biệt làm rõ. Hoặc do đức, hoặc do nghĩa.

Do đức, tức là nói công đức của Phật là tuệ giác cực kỳ thanh tịnh, hiện hành bất nhị, hướng đến pháp vô tướng, trụ vào địa vị Phật, đạt tới tính bình đẳng của tất cả chư Phật, đến chỗ không còn chướng ngại, giáo pháp thì hành không trở ngại, không thể lay chuyển, chỗ an lập không thể nghĩ bàn, đạo khắp 3 đời pháp

tính bình đẳng, thân lưu bố khắp tất cả thế giới, trí thông suốt tất cả pháp, thành tựu đại giác trong tất cả hạnh, trí không nghi hoặc đối với các pháp, không thể phân biệt các hiện thân, trí tuệ mà tất cả Bồ-tát mong cầu, được trụ bờ kia tối thắng của chư Phật không hai, được giải thoát của Như Lai không xen tạp, diệu trí cứu cánh chứng địa vị không trung tâm không ngoại biên, Phật địa bình đẳng pháp giới cao tột, tính như hư không cùng tột đời vị lai. Phải biết câu tuệ giác cực kỳ thanh tịnh này được các câu khác tiếp theo phân biệt làm rõ. Nói như vậy mới gọi là khéo nói pháp.

Tuệ giác cực kỳ thanh tịnh là tuệ giác cực kỳ thanh tịnh của Phật Thế Tôn. Phải biết đó là gồm thâu 21 công đức của Phật. Tức là công đức hoàn toàn không chướng ngại đối với các pháp sở tri. Công đức nhập vào chân như có không không hai tối thắng thanh tịnh. Công đức trụ nơi Phật sự vô công dụng không ngừng nghỉ. Công đức trụ trong pháp thân, ý lạc tác nghiệp không sai biệt. Công đức đối trị, tu tất cả chướng. Công đức hàng phục tất cả ngoại đạo. Công đức an lập chính pháp. Công đức thụ ký. Công đức thị hiện thụ dụng thân và biến hóa thân trong tất cả thế giới. Công đức dứt trừ nghi. Công đức khiến nhập vào các hạnh. Công đức sinh diệu trí đối với các pháp đương lai. Công đức thị hiện đúng như sự thắng giải. Công đức gia hành làm sở y cho sự điều phục vô số chúng sinh. Công đức trọn vẹn đầy đủ pháp thân bình đẳng Ba-la-mật-đa. Công đức tùy theo sự thắng giải thị hiện cõi Phật sai biệt. Công đức về phương xứ không phân chia giới hạn của 3 thứ Phật thân. Công đức thường hiện an lạc lợi ích cho tất cả hữu tình đến tận cùng biên giới của sinh tử. Công đức vô tận.

Lại nữa do nghĩa xứ, như nói : Nếu các Bồ-tát thành tựu 32 pháp mới gọi là Bồ-tát. Tức là đối với tất cả hữu tình khởi ý lạc tăng thượng làm lợi ích yên vui cho tất cả chúng sinh như : Khiến nhập trí nhất thiết trí. Tự biết mình nay không cần cái giả trí. Xô dẹp tâm ngã mạn. Ý lạc vững vàng. Không phải giả thương xót. Bình đẳng không thân sơ. Hằng làm người bạn tốt cho đến cuối cùng được Niết-bàn. Nói cần nhắc đúng mức. Tươi cười trước khi nói. Đại bi vô hạn. Việc phải chịu, không khiếm nhược thoái lui. Không có ý chán nản mỏi mệt. Nghe nghĩa lý không chán. Cảm thấy sâu sắc tội mình đã làm. Người khác tạo tội thì dạy bảo mà không giận. Hằng tu trị tâm Bồ-đề trong tất cả mọi oai nghi. Làm việc bố thí không mong cầu quả báo. Thụ trì giới luật không hướng về các nẻo sinh tử. Thực hành nhẫn nhục đối với chúng sinh không giận không ngại. Siêng năng tinh tiến vì muốn gồm thâu tất cả thiện pháp. Tu tính lự xả bỏ cõi Vô sắc. Phương tiện tương ưng tu tập Bát-nhã. Lấy 4 nhiếp pháp gồm thâu các phương tiện. Đối với người giữ giới phá giới đều là bạn lành không đem tâm phân biệt. Đem tâm ân cần quý trọng mà nghe chính pháp. Với tâm trân trọng, ở nơi tịch tĩnh. Không thích các việc tạp nhạp ở đời. Không bao giờ ưa chuộng các thừa giáo thấp kém. Thấy công đức sâu xa trong Đại thừa. Xa lìa bạn ác. Gần gũi bạn lành. Hằng tu tập 4 phạm trụ. Thường vận dụng tự tại 5 thần thông. Hướng đến nương tựa trí tuệ. Không bỏ các chúng sinh dù ở trong chính hạnh hay không ở trong chính hạnh. Nói lời quyết định. Trọng chân lý sự thật. Thường lấy tâm Đại Bồ-đề làm đầu. Như vậy phải biết các câu này đều là các chi tiết của câu đầu tiên. Tức là câu ý lạc tăng thượng làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình, câu này có 16 nghiệp khác nhau. Đó là : 1.nghiệp tuân tự gia hành, 2.nghiệp không điên đảo, 3.nghiệp gia hành tự nhiên, không đợi người mời thỉnh, 4.nghiệp không động, không hư hoại, 5. nghiệp không cầu không nhiễm, nên biết nghiệp này có 3 câu khác nhau, tức là vì không bị nhiễm ràng buộc nên đối với có ơn không có ơn không ưa không ghét, vì đời đời thường tùy chuyển, 6.tương xứng nghiệp thân nghiệp miệng, nên biết câu này có 2 câu khác nhau, 7.nghiệp bình đẳng đối với vui và khổ, 8.nghiệp không thấp kém, 9.nghiệp không thoái chuyển, 10.nghiệp thâu giữ phương tiện, 11.nghiệp chán ghét bị đối trị, nên biết đây có 2 câu khác nhau, 12.nghiệp tác ý không gián đoạn, 13.nghiệp tu hành thẳng tiến, nên biết đây có 7 câu khác nhau, tức chính gia hành của 6 Ba-la-mật-đa và chính gia hành của 4 nhiếp sự, 14.nghiệp gia hành trọn vẹn đầy đủ, nên biết đây có 6 câu khác nhau, tức gần gũi thiện sĩ, nghe chính pháp, ở nơi thanh vắng, xa lìa các suy nghĩ xấu ác, công đức tác ý, nên biết câu này lại có 2 câu khác nhau, tức công đức trợ bạn, nên biết đây lại có 2 câu khác nhau, 15.nghiệp đầy đủ trọn vẹn, nên biết đây có 3 câu khác nhau, tức là thanh tịnh vô lượng, được uy lực lớn, công đức chứng đắc, 16.nghiệp an lập cho người, nên biết đây có 4 câu khác nhau, tức công đức điều khiển chúng, dạy dỗ răn dạy quyết định không nghi ngờ, hợp nhất tài và pháp, không tâm tạp nhiễm. Phải biết các câu này đều là chi tiết của câu đầu tiên. Như nói :

*Do câu nói đầu tiên,
Có các câu về đức.
Do câu nói đầu tiên,
Có các câu về nghĩa.*

Phần thứ tư : Ngộ nhập tướng sở tri

Như vậy là đã nói về tướng sở tri, còn ngộ nhập tướng sở tri thì như thế nào ?

Phải thấy rằng sở y của đa văn huân tập không thuộc về thức A-lại-da mà như là thức A-lại-da huân tập thành chủng tử. Cái đa văn huân tập đó thuộc về tác ý đúng lý, từ pháp tương tự, nghĩa tương tự mà sinh ra có sở thủ tương tự. Có ý kiến nói :

Ở đây ai là người có thể ngộ nhập tướng sở tri ?

Là Bồ-tát có sự huân tập đa văn liên tục pháp nghĩa Đại thừa, đã được gặp và phụng sự vô lượng chư Phật xuất hiện ở thế gian, đã được hoàn toàn quyết định thắng giải, đã khéo tích chứa các thiện căn, khéo cụ bị hành trang phúc đức và trí tuệ.

Từ đâu có thể ngộ nhập ?

Tức là từ nơi cái thấy tương tự pháp, tương tự nghĩa của pháp tướng Đại thừa sinh khởi thắng giải hành, trải qua trong các giai đoạn kiến đạo, tu đạo, cứu cánh đạo, tất cả các pháp chỉ có tính duy thức, tùy theo chỗ nghe mà hiểu rõ vượt trội, thông thấu đúng như lý, đối trị tất cả chướng và lia tất cả chướng.

Do cái gì có thể ngộ nhập ?

Do sức thiện căn trụ vững duy trì, nghĩa là 3 thứ tướng mài luyện tâm, đoạn dứt 4 xứ, duyên cảnh của pháp và nghĩa, thường xuyên gia hành tu chỉ quán một cách cẩn trọng không buông lung phóng túng.

Trong vô lượng thế giới có vô lượng vô số nhân loại hữu tình mỗi sát-na mỗi sát-na chứng giác ngộ vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Đó là sự mài luyện tâm thứ nhất. Do niềm vui này mà có thể hành thí v.v... các Ba-la-mật-đa. Ta đã được niềm vui này ta sẽ dụng công tu tập bố thí v.v... thêm chút nữa sẽ được viên mãn các Ba-la-mật-đa. Đó là sự mài luyện tâm thứ hai. Nếu có người thành tựu các thiện còn chướng ngại, khi mạng chung được viên mãn thụ sinh vào tất cả các tự thể nào yêu thích, vậy ta có cái thiện vi diệu, cái thiện không chướng ngại, bấy giờ sao lại không thể được viên mãn tất cả ! Đó là sự mài luyện tâm thứ ba. Ở đây có bài tụng như sau :

*Hữu tình trong loài người,
Xứ sở nhiều vô lượng.
Mỗi niệm chứng đẳng giác,
Vậy không nên thoái lui.
Ai tâm tinh, ý lạc,
Có thể tu lục độ.
Thù thắng này đã được,
Cũng tu lục độ được.
Người thiện khi lâm chung,
Mãn nguyện theo ý mình.
Vĩnh đoạn, được thắng thiện
Viên mãn, sao lại không ?*

Do dứt trừ tác ý, lia các tác ý của Thanh Văn Độc Giác, do lia bỏ cái nghi của các nghi ngờ đối với Đại thừa, do vĩnh viễn đoạn trừ cái nghi của tà trí, do được nghe và tư duy trong chính pháp lia chấp ngã và ngã sở mà đoạn trừ pháp chấp, do hiện tiền trụ trong sự an lập tất cả tướng nên đoạn trừ phân biệt, không còn tác ý không còn phân biệt. Ở đây có bài tụng như sau :

*Hiện tiền trụ tự nhiên,
An lập tất cả tướng.
Người trí không phân biệt,
Được tối thượng Bồ-đề.*

Do cái gì và làm thế nào được ngộ nhập ?

Do chủng loại được đa văn huân tập, nhiếp thuộc trong tác ý như lý mà hiển hiện tương tự pháp, tương tự nghĩa.

Do 4 tâm tư, tức là do danh, nghĩa, tự tính, sai biệt mà giả lập ra tâm tư. Và do 4 như thật biến trí, tức là do danh, nghĩa, tự tính, sai biệt mà giả lập ra như thật biến trí. Như vậy cả 4 tâm tư và 4 như thật biến trí đều không thể được. Bởi chư Bồ-tát vì muốn ngộ nhập duy thức nên siêng tu gia hành như thật như vậy, tức với cái ý thức tương tự vẫn tương tự nghĩa mà suy tìm văn, cái tên chỉ là ý thức, dựa vào đó mà suy tìm cái nghĩa của văn, danh cũng chỉ là ý thức, suy tìm danh, nghĩa, tự tính, sai biệt chỉ là sự giả lập. Khi nào sự chứng đắc chỉ có ý thức thì khi ấy sự chứng biết như danh, nghĩa, tự tính, sai biệt đều là giả lập. Vì thật tướng

không có tự tính sai biệt, nên đều không thể được. Do 4 tầm tư và do 4 thứ như thật biến trí, đối với ý thức tương tự vẫn, tương tự nghĩa này mà có thể ngộ nhập lý duy thức.

Trong sự ngộ nhập lý duy thức này là ngộ nhập cái gì, ngộ nhập như thế nào ?

Ngộ nhập duy thức là ngộ nhập 2 tính tướng và kiến và nhiều thứ tính như danh, nghĩa, tự tính của danh, sai biệt của danh, tự tính của nghĩa, sai biệt của nghĩa, 6 thứ nghĩa như vậy đều không, cho nên cái tính của sở thủ năng thủ chỉ có hiện tiền. Một khi hiện lên thì như các nghĩa tướng tương tự mà sinh khởi. Như trong tối sợi dây hiển hiện tựa con rắn. Ví như trên sợi dây, con rắn là chẳng thật có. Vì nó là không, cho nên nếu đã biết rõ nó là không rồi, thì tuy cái biết nó là con rắn diệt mất, nhưng cái biết là sợi dây vẫn còn. Nếu phân tích một cách vi tế cái hư vọng này, thì cái tướng của sợi dây kia cũng chỉ là giả hợp của sắc hương vị xúc, do đó cái biết là sợi dây cũng diệt mất. Như vậy cái ý thức về 6 nghĩa tướng như tương tự vẫn, tương tự nghĩa, khi dẹp trừ 6 nghĩa tướng phi thật, thì cái tính biết duy thức cũng sẽ loại bỏ như cái biết về con rắn. Cái biết này do từ tính biết của tự tính viên thành thật.

Như vậy Bồ-tát ngộ nhập cái ý thức nghĩa tướng tương tự nên ngộ nhập tính biến kế sở chấp, ngộ nhập duy thức nên ngộ nhập tính y tha khởi. Còn tính viên thành thật thì ngộ nhập như thế nào ?

Nếu đã diệt trừ cái ý thức chỉ còn cái ý tưởng duy thức do các chủng loại nghe pháp huân tập, bấy giờ Bồ-tát đã loại trừ nghĩa tướng, các nghĩa tương tự không sinh được, cho nên cái tương tự duy thức cũng không sinh được. Do nhân duyên này Bồ-tát trụ nơi vô phân biệt danh của tất cả nghĩa, được trụ nơi hiện thấy tương ưng trong pháp giới. Bấy giờ Bồ-tát được bình đẳng, bình đẳng sở duyên với năng duyên, trí vô phân biệt đã sinh khởi, do đó gọi là Bồ-tát đã ngộ nhập tính viên thành thật. Ở đây có bài tụng như sau :

*Pháp Bồ-đặc-già-la,
Và pháp nghĩa rộng hẹp,
Bất tịnh, tịnh, cứu cánh,
Tên, hành tướng, sai khác.*

Như vậy là Bồ-tát ngộ nhập duy thức, tức ngộ nhập tướng sở tri, ngộ nhập tướng sở tri là nhập vào Cực hỷ địa, thông đạt pháp giới, sinh vào nhà Như Lai, được tâm bình đẳng với tất cả chúng sinh, được tâm bình đẳng với tất cả Bồ-tát, được tâm bình đẳng với tất cả chư Phật. Đó gọi là Bồ-tát kiến đạo

Lại nữa vì nghĩa gì mà ngộ nhập duy thức ?

Do cái trí chỉ quán xuất thế duyên tổng pháp, do đó sau được cái trí của các tướng thức để đoạn trừ và đem chủng tử các tướng của thức A-lại-da làm tăng trưởng các chủng tử có khả năng chạm đến pháp thân, để chuyển đổi sở y, vì muốn chứng đắc tất cả Phật pháp, vì muốn chứng đắc trí nhất thiết trí, nhập vào duy thức tính. Lại nữa, cái trí hậu đắc đối với tất cả các tướng hiểu biết phân biệt phát sinh trong thức A-lại-da đều thấy như ảo hóa mà không bị chuyển đảo. Cho nên Bồ-tát ví như nhà ảo thuật, không bao giờ điên đảo đối với các tướng ảo hóa cũng như khi nói về nhân quả.

Khi ngộ nhập tính duy thức thì có 4 thứ Tam-ma-địa làm chỗ dựa cho 4 thứ thuận quyết trạch phần.

Làm sao biết ?

Do 4 tầm tư trong hạ phẩm vô nghĩa nhãn có minh đặc Tam-ma-địa là chỗ dựa của noãn thuận quyết trạch phần. Trong thượng phẩm vô nghĩa nhãn có minh tăng Tam-ma-địa là chỗ dựa của đĩnh thuận quyết trạch phần. Lại do 4 thứ như thật biến trí đã nhập duy thức, trong vô nghĩa đã được quyết định, có nhập một phần chân nghĩa Tam-ma-địa là chỗ dựa của đế thuận nhãn. Từ đó không gián đoạn dẹp bỏ ý tưởng duy thức, được Tam-ma-địa không gián đoạn là chỗ dựa của pháp Thế đệ nhất. Phải biết các Tam-ma-địa này đang ở bên cạnh hiện quán.

Như vậy là Bồ-tát đã bước vào các địa, đã được kiến đạo, đã ngộ nhập duy thức. Vậy đối với tu đạo phải tu hành như thế nào ?

Như giáo pháp 10 địa đã được Phật nói, an lập hiện diện trong tất cả các kinh, do duyên tổng pháp xuất thế, sau được cái trí chỉ quán, nên trải qua vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa kiếp số tu tập nên được chuyển y. Vì muốn chứng đắc 3 thứ Phật thân nên siêng năng tu hành.

Hiện quán của Thanh Văn với hiện quán của Bồ-tát có gì sai khác ?

Phải biết do 11 thứ sai biệt mà hiện quán của Bồ-tát khác với hiện quán của Thanh Văn. Một là do sở duyên khác nhau, vì lấy pháp Đại thừa làm sở duyên. Hai là do nuôi dưỡng bảo trì khác nhau, vì lấy 2 thứ tư lương là đại phúc đức và đại trí tuệ mà nuôi dưỡng bảo trì. Ba là do sự thông suốt khác nhau, vì có thể thông suốt nhân vô ngã và pháp vô ngã. Bốn là do Niết-bàn khác nhau, vì nhiếp thụ vô trụ Đại Niết-bàn. Năm là do địa vị khác nhau, vì thoát ly bằng 10 địa. Sáu và bảy là do thanh tịnh khác nhau, vì đoạn phiền não tập khí làm

cõi Phật thanh tịnh. Tám là do tâm tự tha bình đẳng khác nhau, vì không ngừng nghỉ gia hành để thành thực chúng sinh. Chín là do nơi sinh khác nhau, vì sinh vào nhà Như Lai. Mười là do thụ sinh khác nhau, vì thường sinh ở những nơi có đại tập hội của chư Phật. Mười một là do quả khác nhau, vì 10 lực, 4 không sợ hãi, 18 pháp không chung, vô lượng công đức đều được kết quả viên mãn. Ở đây có 2 bài tụng như sau :

*Danh, nghĩa, khách của nhau,
Phải tâm tư tính ấy.
Phải suy xét cả hai,
Duy lượng và duy giả.
Thật trí quán vô nghĩa,
Chỉ có 3 phân biệt.
Kìa không, nên đây không,
Tức ngộ nhập 3 tính.*

Lại có 2 bài tụng như được nói trong Phân Biệt Du-già Luận như sau :

*Bồ-tát ở trong định,
Quán ảnh chỉ là tâm.
Nghĩa tướng đã diệt trừ,
Quán sát chỉ tự tướng.
Như vậy trụ nội tâm,
Biết sở thủ phi hữu,
Tiếp năng thủ cũng không,
Sau xúc không không thể được.*

Lại nữa có 5 bài tụng về hiện quán như được nói trong Đại Thừa Kinh Trang Nghiêm Luận như sau :

*Phúc đức trí tuệ hai tư trang,
Bồ-tát chuẩn bị rất sẵn sàng.
Đối pháp tư duy khéo quyết định,
Thì rõ nghĩa thú chỉ danh ngôn.
Nếu biết các nghĩa là danh ngôn,
Thì trụ tựa nghĩa trong duy thức.
Mới hay hiện chứng chân pháp giới,
Cho nên hai tướng đều trừ diệt.
Biết thể lìa tâm là không có,
Do đây liền biết tâm phi hữu.
Người trí biết rõ hai đều không,
Trụ ở hai không : chân pháp giới.
Tuệ giác không phân biệt trí lực,
Bình đẳng biến khắp thường thuận hành.
Diệt khối tội lỗi rất um tùm,
Như phương thuốc hay tiêu bệnh độc.
Phật nói diệu pháp khéo thành lập,
An lập tuệ giác trong pháp giới.
Hiểu rõ ý thú là phân biệt,
Dùng mãnh mau về bờ biển đức.*

Phần thứ năm : Ngộ nhập nhân quả

Như vậy là đã nói về sự ngộ nhập tướng sở tri, vậy làm sao có thể thấy sự ngộ nhập nhân quả ?

Do 6 thứ Ba-la-mật-đa là thí, giới, nhẫn, tinh tiến, tĩn lực, Bát-nhã.

Vì sao do 6 Ba-la-mật-đa được ngộ nhập duy thức ? Và vì sao 6 Ba-la-mật-đa thành tựu kết quả của sự ngộ nhập ấy ?

Nghĩa là Bồ-tát này không tham đắm tiền của địa vị, không phạm tịnh giới, cái khổ không làm dao động, tu hành không biếng trễ, trong các nhân tán động như vậy, khi không hiện hành thì tâm chuyên vào một cảnh là có thể quyết trạch các pháp đúng như lý được ngộ nhập duy thức. Bồ-tát dựa vào 6 Ba-la-mật-đa, ngộ nhập duy thức rồi, chứng được 6 thứ ý lạc thanh tịnh tăng thượng trong Ba-la-mật-đa, cho nên đầu rồi 6 thứ

Ba-la-mật-đa hiện khởi gia hành, nhưng do hiểu rõ giáo pháp của Phật và do tâm quý trọng, tùy hỷ, ưa thích, thường xuyên tu tập không gián đoạn các phương tiện tương ưng, mà 6 thứ Ba-la-mật-đa mau chóng được viên mãn. Ở đây có 3 bài tụng như sau :

*Đã viên mãn bạch pháp,
Và được nhãn sắc bén.
Bồ-tát nơi Đại thừa,
Giáo pháp sâu rộng lớn.
Giác ngộ chỉ phân biệt,
Được trí vô phân biệt,
Mong cầu thắng giải tịnh,
Nên ý lạc thanh tịnh.
Ở trong dòng pháp này,
Trước sau thấy chư Phật.
Đã biết gần Bồ-đề,
Chúng đắc thật không khó.*

Do 3 bài tụng này tổng quát làm rõ cái ý lạc thanh tịnh tăng thượng. Có 7 thứ tướng : Đó là tư lương, kham nhẫn, sở duyên, tác ý, tự thể, tùy tướng, thắng lợi, đúng như thứ tự các câu kệ tụng biểu thị.

Vì nhân duyên gì mà Ba-la-mật-đa chỉ có 6 thứ ?

Vì thành lập các đối trị để đối trị các hoặc chướng, vì làm chỗ dựa để chứng đắc pháp của chư Phật, vì tùy thuận thành thực các hữu tình, vì muốn đối trị cái nguyên nhân không phát tâm nên lập thí Ba-la-mật-đa và giới Ba-la-mật-đa, nguyên nhân không phát tâm là do tham đắm tiền của địa vị và nhà cửa vợ con, vì muốn đối trị cái nguyên nhân đã phát tâm mà lại thoái lui, nên lập nhẫn Ba-la-mật-đa và tiến Ba-la-mật-đa, nguyên nhân của thoái lui là vì chúng sinh ở trong sinh tử vì phạm mà sinh các khổ và mệt mỏi vì thời gian dài gia hành tu tập thiện pháp, vì muốn đối trị cái nguyên nhân tuy đã phát tâm và không thoái lui nhưng thất bại hồng mất, nên lập định Ba-la-mật-đa và tuệ Ba-la-mật-đa, nguyên nhân của thất bại hồng mất là do các tán động và tà trí. Như vậy là thành lập các pháp đối trị để đối trị các hoặc chướng cho nên chỉ lập 6 pháp. Lại nữa 4 Ba-la-mật-đa trước là nhân không tán động. Một Ba-la-mật-đa kế tiếp là thành tựu sự không tán động. Sự không tán động này làm chỗ dựa nên hiểu biết bình đẳng như thật chân nghĩa của các pháp mới có thể chứng đắc tất cả Phật pháp. Như vậy vì là chỗ dựa để chứng đắc pháp của chư Phật nên chỉ lập 6 pháp. Do thí Ba-la-mật-đa mà có thể tiếp nhận chúng sinh, do giới Ba-la-mật-đa mà không làm hại chúng sinh, do nhẫn Ba-la-mật-đa mà khi bị hại có thể chịu đựng được, do tinh tiến Ba-la-mật-đa mà có thể trợ giúp những việc đáng làm. Do đó bao gồm các nhân duyên lợi ích khiến chúng sinh thành thực những gì có thể kham nhiệm. Từ đó về sau người tâm chưa định thì làm cho tâm định, người tâm đã định thì khiến được giải thoát. Khi khai ngộ thì họ được thành thực. Cứ như vậy mà tùy thuận thành thực tất cả chúng sinh, nên chỉ lập 6 pháp.

Làm sao thấy tướng của 6 pháp này ?

Vì có 6 thứ vượt trội hơn hết. Một là do chỗ dựa vượt trội, vì tâm Bồ-đề là chỗ dựa. Hai là do sự vượt trội, vì hiện hành đầy đủ. Ba là do xứ vượt trội, vì dựa vào sự an vui lợi ích cho tất cả chúng sinh. Bốn là do phương tiện khéo léo vượt trội, vì do trí vô phân biệt nhiếp thụ. Năm là do hồi hướng vượt trội, vì hồi hướng vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Sáu là do thanh tịnh vượt trội, vì phiền não chướng và sở tri chướng không còn khởi lên.

Thí là Ba-la-mật-đa hay Ba-la-mật-đa là thí ?

Có cái thí chẳng phải Ba-la-mật-đa, nên lập 4 câu. Nếu như thí là như vậy, thì các Ba-la-mật-đa khác cũng làm 4 câu như vậy.

Vì lý do gì 6 thứ Ba-la-mật-đa được lập theo thứ tự như vậy ?

Vì Ba-la-mật-đa trước tùy thuận sinh Ba-la-mật-đa sau.

Lại nữa làm sao thấy sự giải thích danh nghĩa các Ba-la-mật-đa ?

Đối với Thanh Văn Độc Giác trên thế gian thì thiện căn bố thí v.v... là vượt trội hơn hết có thể đến bờ kia. Cho nên gọi chung là Ba-la-mật-đa. Lại có thể phá vỡ sự keo kiệt bần cùng và có thể dẫn phát tài lực địa vị và các phúc đức rộng lớn, nên gọi là thí. Lại có thể đoạn diệt giới ác cõi ác và có thể hướng đến đẳng trí cõi thiện, nên gọi là giới. Lại có thể diệt hết giận dữ oán thù, và có thể mình và người sống trong an ổn, nên gọi là nhẫn. Lại có thể xa lìa mọi sự biếng nhác, các pháp ác và bất thiện, có thể sinh xuất vô lượng thiện pháp và khiến tăng trưởng, nên gọi là tinh tiến. Lại có thể tiêu trừ các tán động, và dẫn đến an trụ nội tâm, nên gọi

là tinh lự. Lại có thể trừ bỏ mọi kiến chấp, tà trí ác tuệ và có thể phân biệt phẩm loại các pháp biết được như thật, nên gọi là tuệ.

Nên biết phải tu tập các pháp Ba-la-mật-đa như thế nào ?

Nên biết đại khái 5 việc : Một là hiện khởi tu gia hành. Hai là tu thắng giải. Ba là tu tác ý. Bốn là tu phương tiện khéo léo. Năm là tu hoàn thành công việc. Trong đây 4 pháp tu như trước đã nói. Còn tu hoàn thành công việc nghĩa là chư Như Lai vận dụng Phật sự một cách tự nhiên tự tại không ngừng nghỉ, viên mãn các Ba-la-mật-đa rồi lại tu tập 6 pháp đến bờ kia. Lại nữa tu tác ý, nghĩa là tu 6 thứ ý lạc bao gồm các tác ý mến trọng, tùy hỷ, vui vẻ như một là ý lạc rộng lớn, hai là ý lạc dài lâu, ba là ý lạc hoan hỷ, bốn là ý lạc chịu ơn, năm là ý lạc chí lớn, sáu là ý lạc thuần thiện.

Nếu các Bồ-tát trải qua vô số đại kiếp cho đến hiện chứng vô thượng chính đẳng Bồ-đề, trong thời gian ấy mỗi một sát-na giả sử xả bỏ thân mạng, cho đến 7 báu chứa đầy trong thế giới như cát sông Hằng đem phụng sự cúng dường Như Lai cho đến khi an tọa trên tòa Bồ-đề, mà ý lạc về sự bố thí của Bồ-tát ấy còn chưa chán đủ; lại cũng trong thời gian ấy, mỗi mỗi sát-na giả sử lửa đốt cháy 3 ngàn đại thiên thế giới, trong 4 oai nghi thường thiếu tất cả mọi phương tiện sống mà tâm vẫn thường giữ giới, nhẫn, tinh tiến, tinh lự, Bát-nhã, cho đến khi an tọa trên tòa Bồ-đề, vậy mà ý lạc của Bồ-tát ấy về giới, nhẫn, tinh tiến, tinh lự, Bát-nhã vẫn không chán đủ. Đó gọi là ý lạc rộng lớn của Bồ-tát. Lại nữa các Bồ-tát ở trong cái ý lạc không chán đủ, cho đến khi an tọa tòa Bồ-đề, thường không gián đoạn hay ngừng nghỉ, gọi là ý lạc dài lâu của Bồ-tát. Lại các Bồ-tát dùng 6 Ba-la-mật-đa làm lợi ích chúng sinh, do làm việc lợi ích mà tâm sinh hoan hỷ còn hơn nỗi vui mừng của chúng sinh được lợi ích, gọi là ý lạc hoan hỷ của Bồ-tát. Lại các Bồ-tát dùng 6 Ba-la-mật-đa làm lợi ích chúng sinh, thấy họ có ơn đức lớn đối với mình chứ không thấy mình có ơn đối với họ, đó là ý lạc chịu ơn của Bồ-tát. Lại nữa các Bồ-tát dùng 6 pháp đến bờ kia, nhóm họp các thiện căn, thâm tâm đem hiến cho tất cả chúng sinh khiến được quả báo khả ái thù thắng, gọi là ý lạc chí lớn của Bồ-tát. Lại các Bồ-tát lại dùng 6 pháp Ba-la-mật-đa nhóm họp các thiện căn cùng các chúng sinh trở về cầu vô thượng chính đẳng Bồ-đề, gọi là ý lạc thuần thiện của Bồ-tát. Như vậy Bồ-tát tu 6 thứ ý lạc này bao gồm tác ý ái trọng. Lại các Bồ-tát đối với 6 thứ ý lạc của các Bồ-tát khác tu tập tương ưng vô lượng thiện căn, thâm tâm tùy hỷ, như vậy là Bồ-tát tu 6 thứ ý lạc này bao gồm ý tác tùy hỷ. Lại các Bồ-tát thâm tâm hoan vui thích 6 thứ ý lạc của tất cả chúng sinh bao gồm tu 6 thứ đến bờ kia, cũng nguyện tự mình cùng tu tập 6 thứ đến bờ kia thường xuyên không rời bỏ, cho đến khi an tọa tòa Bồ-đề, như vậy là Bồ-tát tu 6 thứ ý lạc bao gồm tác ý hân lạc. Nếu có người nghe Bồ-tát tu 6 thứ ý lạc này bao gồm tác ý, chỉ cần khởi một niệm tín tâm sẽ được phát sinh vô lượng phúc, nghiệp chướng ác cũng sẽ tiêu diệt, hướng chi là Bồ-tát.

Làm sao thấy được sự sai biệt của các Ba-la-mật-đa này ?

Nên biết mỗi Ba-la-mật-đa đều có 3 phẩm. Ba phẩm của thí là : 1.pháp thí, 2.tài thí, 3.vô úy thí. Ba phẩm của giới là : 1.giới về luật và oai nghi, 2.giới gồm thâm các thiện pháp, 3.giới làm lợi ích hữu tình. Ba phẩm của nhẫn là : 1.nhẫn chịu oán hại, 2.nhẫn an tâm thụ khổ, 3.nhẫn nại quan sát các pháp. Ba phẩm của tinh tiến là : 1.tinh tiến như người mặc áo giáp ra trận, 2.tinh tiến gia công tu hành, 3.tinh tiến không run sợ, không chao đảo thoái lui, không vui mừng thỏa mãn. Ba phẩm của tinh lự là : 1.tinh lự an trụ, 2.tinh lự dẫn phát, 3.tinh lự hoàn thành công việc. Ba phẩm của tuệ là : 1.tuệ gia hành vô phân biệt, 2.tuệ vô phân biệt, 3.tuệ vô phân biệt hậu đắc.

Làm sao thấy được sự nhiếp thuộc lẫn nhau ?

Do 6 pháp này có thể gồm thâm tất cả thiện pháp vì tướng của chúng, vì sự tùy thuận của chúng, vì tính đẳng lưu của chúng.

Làm sao thấy được các tạp nhiễm là những thứ bị 6 pháp này đối trị ?

Đó là tướng, là nhân, là quả của chúng.

Làm sao thấy được lợi ích thù thắng của 6 Ba-la-mật-đa đạt được ?

Nghĩa là các Bồ-tát khi đang lưu chuyển trong sinh tử thì sinh trong nhà giàu sang, tộc họ lớn, nhiều bà con bạn bè, thành tựu sự nghiệp lớn, không bị tai hại quấy nhiễu, nhẹ đường trần tục, biết nhiều kiến thức kỹ năng, sống tốt không tội lỗi, cho đến khi an tọa tòa Bồ-đề thường có thể hiện làm các việc lợi ích chúng sinh, đó là lợi ích thù thắng.

Làm sao thấy được sự quyết định lựa chọn đối với 6 thứ Ba-la-mật-đa ?

Thế Tôn đối với tất cả 6 thứ Ba-la-mật-đa này, có nơi lấy thí mà nói, có nơi lấy giới mà nói, có nơi lấy nhẫn nói, có nơi lấy cần nói, có nơi lấy định nói, có nơi lấy tuệ nói.

Nói như vậy là có ý gì ?

Vì ý nghĩa, là trong khi gia hành tu tất cả Ba-la-mật-đa, thì đều được tất cả Ba-la-mật-đa hỗ trợ cho thành tựu. Ở đây có bài tụng như sau :

*Số, tướng và thứ lớp,
Tên, tu tập, sai biệt.
Nhiếp, trị và công đức,
Hỗ trợ nhau thành tựu.*

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN BẢN

Quyển Hạ

*Vô Trước Bồ-tát tạo luận
Tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Phần thứ sáu : Tu tập sai biệt

Như vậy là đã nói về ngộ nhập nhân quả, vậy là sao thấy sự tu tập sai biệt ?

Thấy được qua 10 địa của Bồ-tát. Những gì là 10 ? Một là cực hỷ địa, hai là ly cấu địa, ba là phát quang địa, bốn là diệm tuệ địa, năm là cực nan thắng địa, sáu là hiện tiền địa, bảy là viễn hành địa, tám là bất động địa, chín là thiện tuệ địa, mười là pháp vân địa.

Làm sao có thể thấy 10 thứ bậc được an lập như vậy ?

Vì muốn đối trị 10 thứ vô minh là những chướng ngại bị đối trị. Bởi vì sao ? Bởi vì nơi 10 tướng của pháp giới sở tri có 10 vô minh chướng ngại bị đối trị.

Những gì là 10 tướng của pháp giới sở tri ?

Trong địa thứ nhất là biến hành, trong địa thứ hai là tối thắng, trong địa thứ ba là thắng lưu, trong địa thứ tư là không nhiếp thụ, trong địa thứ năm là liên tục không sai biệt, trong địa thứ sáu là thanh tịnh không tạp nhiễm, trong địa thứ bảy là các pháp không sai biệt, trong địa thứ tám là không thêm không bớt, tướng tự tại y chỉ, cõi tự tại y chỉ, trong địa thứ chín là trí tự tại y chỉ, trong địa thứ mười là nghiệp tự tại y chỉ, Đà-la-ni môn, Tam-ma-địa môn tự tại y chỉ. Ở đây có 3 bài tụng như sau :

*Biến hành và tối thắng,
Cùng với nghĩa thắng lưu,
Như vậy không nhiếp thụ,
Liên tục không sai biệt,
Thanh tịnh không tạp nhiễm,
Các pháp không sai biệt,
Không tăng cũng không giảm,
Bốn tự tại y chỉ,
Trong pháp giới có mười,
Không nhiễm ô vô minh,
Đối trị các chướng ngại,
Nên an lập mười địa.*

Lại nữa phải biết rằng 10 vô minh như vậy, đối với Thanh Văn v.v... thì không phải nhiễm ô, nhưng đối với Bồ-tát là nhiễm ô.

Lại nữa, vì sao địa thứ nhất gọi là cực hỷ ?

Vì ở địa này lần đầu tiên được cái năng lực thù thắng có thể làm thành mọi sự nghĩa lợi cho mình và người.

Vì sao địa thứ hai gọi là ly cấu ?

Vì ở địa này hết sức xa lìa cấu bần của sự phạm giới.

Vì sao địa thứ ba gọi là phát quang ?

Vì địa này là chỗ dựa của đẳng trí và đẳng chí không thoái chuyển, là chỗ dựa của chính pháp đại quang minh.

Vì sao địa thứ tư gọi là diệm tuệ ?

Vì ở đây các pháp Bồ-đề phân đốt cháy tiêu tất cả chướng ngại.

Vì sao địa thứ năm gọi là cực nan thắng ?

Vì trí chân đế với trí thể gian mâu thuẫn nhau mà hợp hai thứ khó hợp làm cho tương ứng là rất khó.
 Vì sao địa thứ sáu gọi là hiện tiền ?
 Vì ở đây cái trí duyên khởi làm chỗ dựa, có thể khiến Bát-nhã Ba-la-mật-đa hiện ra trước mắt.
 Vì sao địa thứ bảy gọi là viễn hành ?
 Vì ở đây là đã đến giới hạn cuối cùng của công dụng hành.
 Vì sao địa thứ tám gọi là bất động ?
 Vì ở đây tất cả các tướng có dụng công đều không còn hoạt động.
 Vì sao địa thứ chín gọi là thiện tuệ ?
 Vì ở đây được trí vô ngại thù thắng nhất.
 Vì sao địa thứ mười gọi là pháp vân ?
 Vì ở đây được cái trí tổng duyên tất cả pháp, hàm chứa tất cả Đà-la-ni môn, Tam-ma-địa môn, ví như đám mây lớn che được chướng ngại rộng lớn như hư không, lại có thể viên mãn pháp thân.

Làm sao thấy được sự chứng đắc các địa này ?

Thấy được do 4 thứ tướng. Một là được thắng giải. Nghĩa là được tin hiểu sâu sắc đối với các địa. Hai là được chính hạnh. Nghĩa là được 10 thứ chính pháp hạnh tương ứng với các địa. Ba là được thông suốt. Nghĩa là khi ở địa thứ nhất thông suốt pháp giới là có thể thông suốt cùng khắp các địa. Bốn là được thành tựu viên mãn. Nghĩa là tu các địa đến chỗ rốt ráo.

Làm sao thấy được sự tu tập các địa này ?

Nghĩa là các Bồ-tát trong mỗi địa tu Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na do 5 tướng tu tập.

Những gì là 5 ?

Là tu tổng tập, tu vô tướng, tu không dụng công, tu mạnh mẽ, tu không vui mừng cho là đủ. Năm sự tu tập này làm cho các Bồ-tát thành tựu 5 quả. Đó là trong mỗi niệm tiêu tan chỗ dựa của tất cả pháp thô nặng, lia các thứ tướng, được cái vui như ở trong vườn chính pháp, có thể hiểu biết đúng đắn ánh sáng của chính pháp lớn lao, biến khắp vô lượng không giới hạn, hiện hành vô tướng, thuận thanh tịnh phần không còn phân biệt, vì thế viên mãn thành tựu pháp thân có thể nhiếp thụ đúng đắn các nhân thù thắng sau này.

Đề tăng thêm sức vượt trội nên nói trong 10 địa tu riêng 10 thứ Ba-la-mật-đa. Ở 6 địa trước tu 6 thứ Ba-la-mật-đa như trước đã nói. Trong 4 địa sau tu 4 thứ là : Một là phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa, nghĩa là lấy các thiện căn tập hợp được của 6 Ba-la-mật-đa trước, hồi hướng cầu vô thượng Bồ-đề cùng tất cả chúng sinh. Hai là nguyện Ba-la-mật-đa, nghĩa là phát các thứ đại nguyện vì diệu dẫn đến các duyên thù thắng cho các Ba-la-mật-đa về sau. Ba là lực Ba-la-mật-đa, nghĩa là do 2 sức là sức tư duy chọn lựa và sức tu tập, khiến cho 6 thứ Ba-la-mật-đa trước hiện hành không gián đoạn. Bốn là trí Ba-la-mật-đa, nghĩa là do 6 Ba-la-mật-đa trước thành lập diệu trí, thụ dụng pháp lạc thành thực chúng sinh.

Lại nữa phải biết 4 thứ Ba-la-mật-đa này gồm vô phân biệt trí và hậu đắc trí. Lại trong tất cả các địa không địa nào là không tu tập tất cả Ba-la-mật-đa. Pháp môn như vậy được thâm nhiếp trong kho tàng Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, trải qua bao nhiêu thời gian tu hành mới có thể viên mãn các địa ?

Có 5 loại hữu tình. Trải qua 3 vô số đại kiếp gọi là thắng giải hành Bồ-đặc-già-la. Trải vô số đại kiếp đầu tiên tu hành viên mãn là thanh tịnh tăng thượng ý lạc hành Bồ-đặc-già-la và hữu tướng hành, và vô tướng hành Bồ-đặc-già-la. Ở 6 địa trước và địa thứ 7 trải vô số đại kiếp thứ hai tu hành viên mãn tức vô công dụng hành Bồ-đặc-già-la. Từ đây trở lên đến địa thứ 10, trải vô số đại kiếp thứ ba tu hành viên mãn. Ở đây có bài tụng như sau :

*Sức thanh tịnh, tăng thượng,
 Tâm kiên cố, thắng tiến,
 Là Bồ-tát sơ tu,
 Vô số 3 đại kiếp.*

Phần thứ bảy : Tăng thượng giới học

Như vậy là đã nói về tu nhân quả sai biệt. Vậy làm sao thấy được sự thù thắng của giới tăng thượng ? Có thể thấy như trong Bồ-tát Địa Chính Thụ Bồ-tát Luật Nghi có nói.

Lại nữa có thể biết đại lược 4 thứ thù thắng sau đây nên gọi là thù thắng : một là thù thắng về chỗ khác nhau, hai là thù thắng về chỗ học có chung và không chung, ba là thù thắng về tính rộng lớn, bốn là thù thắng về tính sâu xa.

Thù thắng về chỗ khác nhau nghĩa là giới Bồ-tát có 3 phẩm khác nhau : 1.giới luật nghi, 2.giới gồm thân thiện pháp, 3.giới làm lợi ích hữu tình.

Trong đây nên biết giới luật nghi có nghĩa là 2 giới, giới gồm thân thiện pháp có nghĩa là tu tập tất cả Phật pháp, giới làm lợi ích hữu tình có nghĩa là làm thành thực tất cả hữu tình.

Thù thắng về chỗ học có chung và không chung nghĩa là các Bồ-tát tất cả tính tội đều không hiện hành nên chung với Thanh Văn, còn tương tự giá tội thì có trường hợp hiện hành nên không chung với Thanh Văn. Vì vậy đối với học xứ giá tội này, có trường hợp là Thanh Văn thì phạm nhưng Bồ-tát thì không phạm, có trường hợp là Bồ-tát thì phạm mà Thanh Văn thì không phạm. Giới của Bồ-tát là gồm cả thân miệng ý, còn Thanh Văn chỉ có 2 giới thân và miệng. Vì vậy với Bồ-tát thì có ý nghĩ xấu cũng đã phạm rồi, đó là điểm khác với Thanh Văn. Nói tóm lại, vì tất cả lợi ích hữu tình thì nghiệp thân miệng ý đều vô tội, Bồ-tát đều phải học, tu và thực hành tất cả. Đó là thù thắng về chỗ học có chung và không chung.

Thù thắng về tính rộng lớn do có 4 thứ gọi là rộng lớn : Một là rộng lớn do chỗ học có đủ loại và vô lượng. Hai là rộng lớn do tiếp thụ vô lượng phúc đức. Ba là rộng lớn do tiếp thụ ý lạc làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh. Bốn là rộng lớn do kiến lập vô thượng chính đẳng Bồ-đề.

Thù thắng về tính sâu xa nghĩa là các Bồ-tát do phương tiện khéo léo, làm việc sát sinh v.v... 10 thứ tác nghiệp mà không có tội lại sinh vô lượng phúc, mau chứng vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Các Bồ-tát lại còn hiện hành biến hóa thân miệng 2 nghiệp, nên biết đó cũng là Thi-la sâu xa. Do nhân duyên này mà có khi Bồ-tát hoặc làm quốc vương hiện làm các việc bức hại hữu tình để đặt chúng vào trong pháp Tì-nại-da, hoặc hiện làm các việc bán sinh, hiện làm các việc bức bách các hữu tình mà thực sự là để hóa độ các hữu tình khác, trước hết khiến thâm tâm chúng được tín tâm thanh tịnh sau rồi thành thực. Đó gọi là thù thắng về tính sâu xa của Bồ-tát tu học giới luật. Do sơ lược nói 4 thứ thù thắng này nên biết Thi-la luật nghi của Bồ-tát là thù thắng bậc nhất.

Như vậy nên biết rằng học xứ Bồ-tát còn rất nhiều sai khác, như được nói trong Kinh Phương Quảng Tì-nại-da Cù-sa.

Phần thứ tám : Tăng thượng tâm học

Như vậy là đã nói về sự thù thắng của giới tăng thượng, vậy làm sao thấy sự thù thắng của tâm tăng thượng ?

Đại khái có 6 thứ sai biệt cần phải biết : một là do sở duyên sai biệt, hai là do chủng loại sai biệt, ba là do đối trị sai biệt, bốn là do năng lực sai biệt, năm là do dẫn phát sai biệt, sáu là do tác nghiệp sai biệt.

Sở duyên sai biệt là lấy pháp Đại thừa làm đối tượng sở duyên. Chủng loại sai biệt là Đại thừa quang minh, Tập phúc định vương, Hiền thủ, Kiện hành v.v.. vô lượng các chủng loại Tam-ma-địa. Đối trị sai biệt là cái trí duyên cái tướng chung của các pháp như cách dùng cây nêm để tháo một cây nêm. Đó là đạo lý khiến trừ tất cả các chướng thô nặng trong thức A-lại-da. Năng lực sai biệt là an trụ trong cái vui tĩnh lặng, tùy ý thụ sinh. Dẫn phát sai biệt là có thể dẫn phát thần thông vô ngại trong tất cả thế giới. Tác nghiệp sai biệt là có thể làm chấn động khắp cả, hiển thị các chuyển biến đi lại co duỗi, tất cả sắc tượng đều nhập trong thân, ở trong đồng loại hoặc hiện hoặc ẩn, việc làm tự tại, chế ngự các thần thông của người khác, làm cho người được tài hùng biện, phóng ánh sáng lớn. Dẫn phát các thần thông lớn như vậy nên có thể dẫn phát thực hiện các việc khó làm. Có 10 việc khó làm. Mười việc khó làm là : Một, tự thệ là khó làm, vì thệ nguyện thụ vô thượng Bồ-đề. Hai, không thoái lui là khó làm, vì các khổ sinh tử không thể làm thoái lui. Ba, không bỏ là khó làm, vì chúng sinh tuy làm tà hạnh cũng không bỏ. Bốn là những điều khó làm trước mắt, vì với những kẻ oán thù vẫn phải làm điều lợi ích cho họ. Năm, không nhiễm là khó làm, vì sống trong thế gian không bị pháp thế gian làm ô nhiễm. Sáu, thắng giải là khó làm, vì đối với Đại thừa tuy chưa thể liễu đạt nhưng phải sinh tin hiểu giáo pháp rộng lớn sâu xa. Bảy, thông suốt là khó làm, vì có thể thông suốt nhân vô ngã pháp vô ngã. Tám, tùy giác khó làm, vì đối với các ngôn từ bí mật rất sâu của chư Như Lai nói có thể tùy theo đó mà hiểu. Chín, không lìa không nhiễm là khó làm, vì không bỏ sinh tử mà không nhiễm. Mười, gia hành khó làm, vì có thể tu giải thoát tất cả chướng ngại như chư Phật, cho đến tận cùng sinh tử, không dụng công mà vẫn thường xuyên làm việc nghĩa lợi cho tất cả hữu tình. Lại nữa, trong tùy giác khó làm là Phật có những ngôn từ bí mật, các Bồ-tát có thể tùy theo đó hiểu. Như kinh có nói :

Thế nào là Bồ-tát có thể hành bố thí ?

Là nếu Bồ-tát không có chút gì để bố thí, mà rộng làm việc bố thí trong 10 phương vô lượng thế giới.

Thế nào là Bồ-tát vui làm việc bố thí ?

Là nếu các Bồ-tát đối với tất cả việc bố thí đều không ưa muốn.
Thế nào là Bồ-tát tin hiểu sâu xa trong việc bố thí ?
Là nếu các Bồ-tát không tin Như Lai mà hành bố thí.
Thế nào là Bồ-tát khích lệ việc bố thí ?
Là nếu các Bồ-tát không tự khích lệ trong việc bố thí.
Thế nào là Bồ-tát đam mê sự bố thí ?
Là nếu Bồ-tát không tạm thời có chút bố thí.
Thế nào là Bồ-tát có sự bố thí rộng lớn ?
Là nếu Bồ-tát trong sự bố thí lia tưởng Ta-lạc.
Thế nào là Bồ-tát có sự bố thí thanh tịnh ?
Là nếu Bồ-tát xan lẫn Ôt-ba-đa.
Thế nào là Bồ-tát có sự bố thí cứu cánh ?
Là nếu Bồ-tát không trụ cứu cánh.
Thế nào là Bồ-tát có sự bố thí tự tại ?
Là nếu Bồ-tát không tự tại trong sự bố thí.
Thế nào là Bồ-tát có sự bố thí vô tận ?
Là nếu Bồ-tát không trụ vô tận. Như trong bố thí, nên biết giới cho đến sau cùng là tuệ tùy sự thích hợp cũng như vậy.

Thế nào là có thể sát sinh ?
Là nếu đoạn dứt sự sinh tử lưu chuyển của chúng sinh.
Thế nào là không cho mà lấy ?
Là nếu các hữu tình không cho mà tự nhiên lấy.
Thế nào là dục tà hạnh ?
Là nếu đối với các dục hiểu rõ là tà, mà tu chính hạnh.
Thế nào là có thể vọng ngữ ?
Là nếu ở trong vọng có thể nói được là vọng.
Thế nào là Bối-thú-ni ?
Là nếu có thể thường trụ không tịch tối thắng.
Thế nào là Ba-lỗ-sư ?
Là nếu biết khéo an trụ bờ kia.
Thế nào là nói thêu dệt ?
Là nếu nói pháp đúng phẩm loại sai biệt.
Thế nào là có thể tham dục ?
Là nếu luôn luôn muốn mình chứng được vô thượng tinh lự.
Thế nào là có thể giận dữ ?
Là nếu trong tâm ghét và làm hại tất cả phiền não, một cách đúng đắn.
Thế nào là có thể tà kiến ?
Là nếu tà tính ở khắp tất cả mọi nơi đều thấy đúng như thật.
Pháp của Phật rất sâu. Thế nào là pháp của Phật rất sâu ?
Ở đây nên giải thích như sau :

Pháp thường trụ là pháp của chư Phật, vì pháp thân là thường trụ. Pháp đoạn diệt là pháp của chư Phật, vì vĩnh viễn đoạn diệt các chướng. Pháp sinh khởi là pháp của chư Phật, vì biến hóa thân hiện các sinh khởi. Pháp có sở đắc là pháp của chư Phật, vì là pháp có thể đối trị được các hành nghiệp của 8 vạn 4 ngàn chúng sinh. Pháp có tham là pháp của chư Phật, vì tự thệ nguyện tiếp thụ chúng sinh có tham làm tự thể của mình. Pháp có giận dữ là pháp của chư Phật, pháp có si là pháp của chư Phật, pháp dị sinh là pháp của chư Phật, cũng nên biết như vậy. Pháp không nhiễm ô là pháp của chư Phật, vì viên mãn thành tựu chân như, tất cả chướng cấu bản không thể làm nhiễm ô. Cho nên vì thế mà nói pháp Phật là rất sâu. Lại nữa còn có thể dẫn phát sự tu hành đến bờ kia, thành thực chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật. Vì vậy nên biết các pháp của Phật là các tác nghiệp sai biệt đẳng trì của Bồ-tát.

Phần thứ chín : Tăng thượng tuệ học

Như vậy là đã nói về sự thù thắng của tầng thượng tâm học. Vậy làm thế nào thấy được sự thù thắng của tầng thượng tuệ học ?

Đó là trí vô phân biệt như tự tính, sở y, nhân duyên, sở duyên, hành tướng, nhiệm trì, trợ bạn, dị thực, đẳng lưu, xuất ly, đến cứu cánh, được thắng lợi sau khi gia hành vô phân biệt, sai biệt, thí dụ, tác sự vô công dụng, , thậm thâm. Nên biết rằng trí vô phân biệt được gọi là sự thù thắng của tuệ tầng thượng.

Trong đây tự tính của trí vô phân biệt lia 5 tướng : một là lia sự không tác ý, hai là lia lỗi có tâm có tứ, ba là lia tướng thụ diệt, tịch tĩnh, bốn là lia sắc tự tính, năm là lia các phân biệt đối với nghĩa của chân như. Phải biết rằng lia 5 tướng này gọi là trí vô phân biệt.

Đối với sự thành lập các tướng của trí vô phân biệt như đã nói. Ở đây còn có nhiều tụng như sau :

*Tự tính các Bồ-tát,
Xa lia 5 thứ tướng,
Là trí vô phân biệt,
Không chấp trước chân như.
Sở y các Bồ-tát,
Chẳng tâm mà là tâm,
Là trí vô phân biệt,
Chứng loại bất tư nghị.
Nhân duyên các Bồ-tát,
Do đa văn huân tập,
Là trí vô phân biệt,
Và tác ý đúng lý.
Sở duyên các Bồ-tát,
Là pháp tính ly ngôn,
Là trí vô phân biệt,
Tức chân như vô ngã.
Hành tướng các Bồ-tát,
Lại ở trong sở duyên,
Là trí vô phân biệt,
Sở tri kia vô tướng.
Tự tính nghĩa tương ưng,
Chỉ là sở phân biệt,
Các chữ tương ưng nhau,
Là nghĩa của tương ưng.
Chẳng lia năng thuyên kia,
Mà sở duyên trí chuyển,
Chẳng phải thuyên không đồng,
Tất cả là ly ngôn.
Nhiệm trì các Bồ-tát,
Là trí vô phân biệt,
Các hạnh đạt được sau,
Mau chóng được tăng trưởng.
Trợ bạn các Bồ-tát,
Nói có 2 nẻo đường,
Là trí vô phân biệt,
Năm tính đến bờ kia.
Dị thực các Bồ-tát,
Ở trong 2 Phật hội,
Là trí vô phân biệt,
Do gia hành chứng đắc.
Đẳng lưu các Bồ-tát,
Trong các đời về sau,
Là trí vô phân biệt,*

Tự thể thẳng hơn lên.
Xuất ly của Bồ-tát,
Được thành tựu tương ưng,
Là trí vô phân biệt,
Nên biết trong 10 địa.
Cứu cánh các Bồ-tát,
Được thanh tịnh 3 thân,
Là trí vô phân biệt,
Được tự tại cao tột.
Như hư không không nhiễm,
Là trí vô phân biệt,
Các ác nghiệp cực nặng,
Chỉ nhờ tin và hiểu.
Như hư không không nhiễm,
Là trí vô phân biệt,
Giải thoát tất cả chướng,
Được thành tựu tương ưng.
Như hư không không nhiễm,
Là trí vô phân biệt,
Thường ở trong thế gian,
Không bị thế gian nhiễm.
Như người cảm muốn biết,
Đúng như người cảm biết,
Như người không cảm biết,
Ba trí ví như vậy.
Như người ngu muốn biết,
Đúng như người ngu biết,
Như người không ngu biết,
Ba trí ví như vậy.
Như 5 thức muốn biết,
Đúng như 5 thức biết,
Và như Mạt-na biết,
Ba trí ví như vậy.
Như người chưa hiểu luận,
Muốn hiểu được nghĩa luận,
Lần lượt ví 3 trí,
Như Gia hành vân vân.
Như lúc người nhắm mắt,
Là trí vô phân biệt,
Lúc người ấy mở mắt,
Là trí của hậu đắc.
Phải biết như hư không,
Là trí vô phân biệt,
Trong đó hiện sắc tượng,
Tri hậu đắc cũng vậy.
Như Mạt-ni, nhạc trời,
Vô tư mà thành sự,
Rất nhiều Phật sự thành,
Cũng thường từ vô tư.
Chẳng đây cũng chẳng đâu,
Chẳng phải trí mà trí,
Với cảnh nào có khác,

*Trí thành vô phân biệt,
Phải biết tất cả pháp,
Bản tính vô phân biệt,
Vì sở phân biệt không,
Trí vô phân biệt không.*

Ở đây gia hành của trí vô phân biệt có 3 thứ là nhân duyên, dẫn phát và thường tập, nên sinh sai biệt. Căn bản của trí vô phân biệt cũng có 3 thứ là mừng đủ, không điên đảo và không hý luận, nên vô phân biệt sai biệt.

Hậu đắc của trí vô phân biệt có 5 thứ là thông đạt, tùy niệm, an lập, hòa hợp, như ý, vì tư duy lựa chọn mà sai biệt.

Lại có nhiều bài tụng nói sự thành lập trí vô phân biệt như sau :

*Quý, bàng sinh, người, trời,
Mỗi loại tùy thích ứng,
Đồng cảnh do tâm khác,
Nên nghĩa không chân thật.
Cảnh quá khứ, vị lai,
Chiêm bao, hai ảnh tượng,
Tuy sở duyên chẳng thật,
Mà cảnh tượng hiện tiền.
Nếu nghĩa thành nghĩa tính,
Không trí vô phân biệt.
Trí này nếu không có,
Chúng Phật quả vô lý.
Bồ-tát được tự tại,
Là do sức thắng giải.
Như muốn được thứ gì,
Được định thì được cả.
Người thành tựu gián trạch,
Có trí mà được định.
Tư duy tất cả pháp,
Như nghĩa đều hiển hiện.
Trí vô phân biệt hiện,
Các nghĩa đều không hiện.
Nên biết không có nghĩa,
Thì thức cũng là không.*

Bát-nhã Ba-la-mật-đa với trí vô phân biệt không sai khác gì nhau. Như nói : Bồ-tát an trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa, nơi phi xứ tương ứng, có thể tu tập viên mãn các Ba-la-mật-đa khác. Thế nào là phi xứ tương ứng mà tu tập viên mãn ?

Nghĩa là do xa lìa 5 chỗ : Một là xa lìa chỗ chấp ngã của ngoại đạo. Hai là xa lìa chỗ phân biệt của Bồ-tát chưa thấy chân như. Ba là xa lìa 2 cực đoạn của sinh tử Niết-bàn. Bốn là xa lìa chỗ sinh tâm vui mừng cho rằng chỉ đoạn trừ chướng phiền não là đủ. Năm là xa lìa chỗ cảnh giới vô dư y Niết-bàn, an trụ ở đó mà không đoái tưởng lợi ích chúng sinh.

Trí Thanh Văn v.v... với trí Bồ-tát có gì khác nhau ?

Do tương ứng 5 thứ mà biết có khác nhau. Một là khác vì không phân biệt. Nghĩa là vì không phân biệt các pháp 5 uẩn. Hai là không phải sai khác một phần nhỏ. Nghĩa là thông đạt chân như, nhập vào tất cả cảnh giới sở tri, khắp vì độ thoát hữu tình, đó chẳng phải là chuyện nhỏ. Ba là khác nhau vì vô trụ. Nghĩa là lấy vô trụ xứ Niết-bàn làm trụ xứ. Bốn là khác nhau về tính rốt ráo. Nghĩa là trong Niết-bàn vô dư y không đoạn diệt tận. Năm là khác nhau về vô thượng. Nghĩa là cái trí vô phân biệt của Đại thừa này không còn thừa giáo nào hơn. Ở đây có bài tụng như sau :

*Các đại bi làm thể,
Do 5 tướng thắng trí,
Khắp thể, xuất thể gian,*

Đây là cao xa nhất.

Nếu các Bồ-tát thành tựu Thi-la tăng thượng, Chất-đa tăng thượng, Bát-nhã tăng thượng thì công đức viên mãn, tiền của địa vị được đại tự tại, vì sao hiện thấy có những người thiếu thốn tiền của địa vị ?

Vì thấy người ấy có nghiệp chướng nặng đối với tiền của địa vị. Vì thấy nếu cho người ấy tiền của địa vị, sẽ trở ngại cho sự phát sinh thiện pháp. Vì thấy người ấy nếu thiếu thốn của cải địa vị, sẽ chán bỏ hiện hữu. Vì thấy nếu cho người ấy tiền của địa vị, tức sẽ góp phần tạo nhân các pháp bất thiện. Vì thấy nếu cho người ấy tiền của địa vị, tức sẽ tạo nhân cho vô lượng chúng sinh bị tổn hại. Vì thế mà hiện thấy có người thiếu thốn tiền của địa vị. Ở đây có bài tụng như sau :

*Thấy nghiệp chướng hiện tiền,
Vì tích tập tổn hại,
Nên thấy có hữu tình,
Không được Bồ-tát thí.*

Phần thứ mười : Quả đoạn

Như vậy là đã nói về sự thù thắng của tuệ tăng thượng, vậy làm thế nào thấy sự thù thắng của quả đoạn ?

Đoạn nghĩa là Niết-bàn vô trụ của Bồ-tát, vì xả bỏ tạp nhiễm mà không xả bỏ sinh tử. Chuyển y 2 chỗ y chỉ làm tướng. Trong đó sinh tử là phần tạp nhiễm của tính y tha khởi, Niết-bàn là phần thanh tịnh của tính y tha khởi. Hai chỗ y chỉ là 2 phần của tính y tha khởi. Chuyển y là tính y tha khởi, khi khởi đối trị thì chuyển bỏ phần tạp nhiễm được phần thanh tịnh.

Lại nữa sự chuyển y này đại lược có 6 thứ. Một là chuyển bớt sức lực thêm khả năng. Nghĩa là do sức thắng giải trụ trong đa văn huân tập và do có sự biết hổ thẹn nên khiến một phần ít các phiền não không hiện hành. Hai là chuyển sự thông đạt. Nghĩa là các Bồ-tát đã nhập đại địa, cho đến địa thứ 6, hiện tiền trụ trước mắt là chân thật thì hiển hiện, phi chân thật thì không hiển hiện. Ba là chuyển sự tu tập. Nghĩa là cho đến địa thứ 10 vì còn chướng ngại, tất cả tướng không hiển hiện, chỉ chân thật hiển hiện. Bốn là chuyển quả viên mãn. Nghĩa là vĩnh viễn không còn chướng ngại, tất cả tướng không hiển hiện, chỉ hiển hiện chân thật thanh tịnh cùng tốt, được tự tại đối với tất cả tướng. Năm là chuyển sự thấp kém. Nghĩa là Thanh Văn v.v... chỉ có thể thông đạt tính nhân không vô ngã, một bề quay lưng xả bỏ sinh tử. Sáu là chuyển một cách rộng lớn. Nghĩa là các Bồ-tát gồm thông đạt pháp không vô ngã, nên ngay nơi sinh tử mà thấy là thanh tịnh vắng lặng, tuy đoạn trừ tạp nhiễm mà không bỏ sinh tử.

Các Bồ-tát trụ ở địa vị thấp kém, đối với sự chuyển y có lỗi gì ?

Có lỗi là không đoái tưởng đến sự lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh, trái với tất cả các pháp Bồ-tát, chỉ giải thoát bản thân đồng với các thừa thấp kém.

Nếu các Bồ-tát trụ ở địa vị chuyển đổi rộng lớn thì có công đức gì ?

Ở trong pháp sinh tử lấy sự tự chuyển y làm chỗ dựa nên được tự tại. Thị hiện thân chúng sinh trong tất cả mọi nẻo luận hồi, nếu sinh vào hàng chúng sinh tối thắng và trong 3 thừa thì có thể dùng các phương tiện khéo léo điều phục an lập giáo hóa chúng sinh. Đó là công đức. Ở đây có các bài tụng như sau :

*Phàm phu chân thật che,
Chỉ hiển lộ hư vọng.
Các Bồ-tát xả vọng,
Chỉ hiển lộ chân thật.
Phải biết hiển, không hiển,
Chân nghĩa, phi chân nghĩa.
Chuyển y tức giải thoát,
Tùy ý được tự tại.
Nơi sinh tử Niết-bàn,
Nếu khởi trí bình đẳng,
Bấy giờ do chứng đắc,
Sinh tử tức Niết-bàn.
Do đó với sinh tử,
Chẳng bỏ, chẳng chẳng bỏ.
Cũng giống như Niết-bàn,*

Chứng đắc, chẳng chứng đắc.

Phần thứ mười một : Quả trí

Như vậy là đã nói về sự thù thắng của quả đoạn, vậy làm thế nào thấy sự thù thắng của quả trí ?

Nên biết do 3 thứ Phật thân mà biết sự thù thắng của quả trí : một là do tự tính thân, hai là do thụ dụng thân, ba là do biến hóa thân.

Trong đây tự tính thân là pháp thân Như Lai, chuyển đổi chỗ y chỉ tự tại đối với tất cả pháp. Thụ dụng thân là y vào pháp thân hiển hiện các chứng hội chư Phật trong các cõi Phật thanh tịnh, thụ dụng pháp lạc của Đại thừa. Biến hóa thân là cũng y vào pháp thân từ cung trời Đô-sử-đa ẩn mình, thị hiện thụ sinh, thụ dục lạc,, vượt thành xuất gia, đến nơi ngoại đạo tu các khổ hạnh, chứng Đại Bồ-đề, chuyển Đại pháp luân, nhập Đại Niết-bàn. Ở đây có một bài tụng như sau :

*Tướng, chứng đắc, tự tại,
Y chỉ và nhiếp trì,
Sai biệt, đức, thậm thâm,
Niệm, nghiệp rõ chư Phật.*

Pháp thân chư Phật lấy gì làm tướng ?

Nên biết pháp thân chư Phật lược nói có 5 tướng.

Một là tướng chuyển y. Nghĩa là chuyển diệt tất cả chương của phần tạp nhiễm trong tính y tha khởi, chuyển được giải thoát tất cả chứng, tự tại đối với pháp, chuyển hiện phần thanh tịnh trong tính y tha khởi.

Hai là tướng do bạch pháp thành tựu. Nghĩa là viên mãn 6 Ba-la-mật-đa , được 10 tự tại. Trong đây thọ mạng tự tại, tâm tự tại, phương tiện sinh hoạt tự tại là do viên mãn thí Ba-la-mật-đa. Nghiệp tự tại, sinh tự tại là do viên mãn giới Ba-la-mật-đa. Nghiệp tự tại và sinh tự tại là do viên mãn giới Ba-la-mật-đa. Thắng giải tự tại là do viên mãn nhẫn Ba-la-mật-đa. Nguyên tự tại là do viên mãn tinh tiến Ba-la-mật-đa. Thần lực tự tại gồm 5 thần thông là do viên mãn tĩnh lự Ba-la-mật-đa. Trí tự tại và pháp tự tại là do viên mãn Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Ba là tướng không hai. Nghĩa là không có 2 tướng có và không. Do tất cả pháp là vô sở hữu mà tướng hiển lộ của không, là thật có cho nên tướng hữu vi vô vi là không hai. Do nghiệp phiền não chẳng phải sở vi mà tự tại thị hiện là tướng hữu vi. Khác tính một tính là tướng không hai. Do chỗ sở y của tất cả chư Phật là không sai biệt cho nên vô lượng liên tục hiện thành đẳng giác. Ở đây có 2 bài tụng như sau :

*Vì không có ngã chấp,
Không chỗ nương riêng biệt.
Nhưng tùy thân chứng đắc,
Nên thiết lập có khác.
Chứng tính khác , không rộng,
Vì viên mãn không đầu,
Vô cấu không riêng khác,
Nên chẳng một, chẳng nhiều.*

Bốn là tướng thường trụ. Nghĩa là vì tướng chân như thanh tịnh nên do bản nguyện dẫn xuất làm các việc phải làm, không có thời kỳ thôi nghỉ.

Năm là tướng không thể nghĩ bàn. Nghĩa là chân như thanh tịnh chứng đắc từ bên trong, không có ví dụ nào trong thế gian có thể ví dụ được, không phải chỗ mà sự suy tư tìm kiếm có thể đến được.

Lại nữa pháp thân như thế đầu tiên làm sao chứng đắc ?

Nghĩa là duyên cái tổng tướng của pháp Đại thừa, trí vô phân biệt và trí hậu đắc khéo tu tập 5 tướng, khéo tập hợp tư lương nơi tất cả các địa, Kim cương dụ định phá diệt các chương vi tế khó phá, định này liên tục không gián đoạn, lia tất cả chương nên chứng đắc chuyển y.

Lại nữa, pháp thân do bao nhiêu thứ tự tại mà được tự tại ?

Đại lược do 5 thứ. Một là tự tại của cõi Phật, tự thân, tướng tốt, âm thanh vô biên, vô kiến đỉnh tướng, do chuyển y của sắc uẩn. Hai là tự tại về an vui rộng lớn, không tội lỗi, do chuyển y của thụ uẩn. Ba là tự tại về biện luận giảng nói tất cả danh, cú, văn thân, do chuyển y của tướng uẩn. Bốn là tự tại hóa hiện, biến đổi, dẫn dắt đại chúng tiếp thụ bạch pháp, do chuyển y hành uẩn. Năm là tự tại bởi đại viên kính trí, bình đẳng tính trí, diên quan sát trí, thành sở tác trí, do chuyển y thức uẩn.

Lại nữa, pháp thân có mấy trụ xứ ?

Nên biết đại lược có 3 chỗ y chỉ. Một là chỗ trụ xứ y chỉ của chư Phật. Ở đây có 2 bài tụng như sau :

*Chư Phật chứng được 5 tính hỷ,
Đều do đấng chứng tự giới tính.
Không hỷ đều do không chứng đây,
Nên người cầu hỷ phải đấng chứng.
Một do năng lực, hai sự thành,
Pháp vị nghĩa đức đều viên mãn.
Được hỷ tới thắng không tội lỗi,
Là chư Phật thấy thường vô tận.*

Hai là chỗ y chỉ của các thụ dụng thân, chỉ để thành thực cho các Bồ-tát. Ba là chỗ y chỉ của các biến hóa thân, phần nhiều để thành thực cho các Thanh Văn v.v...

Nên biết pháp thân do bao nhiêu Phật pháp nhiếp trì ?

Đại lược do 6 thứ : Một là do thanh tịnh. Nghĩa là chuyển thức A-lại-da được pháp thân. Hai là do dị thực. Nghĩa là chuyển sắc căn được trí dị thực. Ba là do an trụ. Nghĩa là chuyển các dục hành v.v... được trụ vô lượng trí. Bốn là do tự tại. Nghĩa là chuyển sự tự tại các nghiệp nhiếp thụ được sự tự tại của trí thần thông vô ngại trong tất cả thế giới. Năm là do ngôn ngữ. Nghĩa là chuyển ngôn ngữ hý luận của tất cả thấy nghe hay biết được sự tự tại của trí biện luận giảng thuyết, khiến tất cả chúng sinh sinh tâm hoan hỷ. Sáu là do cứu tế. Nghĩa là chuyển sự cứu vớt tất cả tai họa lỗi lầm được cái trí cứu vớt tất cả tai họa lỗi lầm cho tất cả chúng sinh. Nên biết pháp thân do 6 thứ Phật pháp nói trên gồm thân.

Pháp thân chư Phật nên nói là có khác nhau , hay nên nói là không khác ?

Vì y chỉ, vì ý lạc, vì nghiệp dụng không khác nên nói là không khác. Nhưng vô lượng thân chúng sinh hiện thành đấng chính giác nên nói là có khác. Nói pháp thân Phật như vậy thì thụ dụng thân cũng vậy. Vì ý lạc và nghiệp dụng không khác nên phải nói là không khác. Nhưng không do chỗ y chỉ không sai biệt mà do vô lượng y chỉ sai biệt chuyển. Phải biết biến hóa thân nên nói như thụ dụng thân.

Pháp thân tương ưng với bao nhiêu đức ?

Tương ưng với 4 vô lượng rất thanh tịnh, giải thoát, thắng xứ, biến xứ, vô tránh, nguyện trí, 4 vô ngại giải, 6 thần thông, 32 tướng Đại sĩ, 80 vẻ đẹp, 4 tất cả tướng thanh tịnh, 10 lực, 4 vô úy, 3 bất hộ, 3 niệm trụ, nhỏ trừ tập khí, pháp không quên mất, đại bi, 18 pháp không chung và tất cả tướng diệu trí v.v... Ở đây có nhiều bài tụng như sau :

*Kính lễ đấng xót thương,
Khởi 4 thứ ý lạc :
Hòa, viễn ly, không bỏ,
Lợi lạc chúng hữu tình.
Kính lễ đấng Mâu-ni,
Giải thoát tất cả chướng,
Hơn tất cả thế gian.
Trí châu biến các pháp,
Tâm giải thoát cứu cánh.
Kính lễ đấng yêu thương,
Trừ diệt cho chúng sinh,
Tất cả hoặc phiền não,
Sạch không còn nhiễm ô.
Kính lễ đấng thuyết giáo,
Không công dụng, không chấp,
Thường vắng lặng, không ngại,
Giải thích các nạn vấn.
Kính lễ đấng thường nói,
Về sở y, năng y,
Sở thuyết lời và trí,
Năng thuyết tuệ vô ngại.
Kính lễ đấng thường dạy,
Vì chúng hữu tình kia,*

Hiện tại biết ngôn hành,
 Khử lai và xuất ly.
 Kính lễ đáng đạo sư,
 Được chúng sinh tôn quý,
 Biết là bậc Thiện sĩ,
 Thấy được liền tin sâu.
 Kính lễ đáng chúng đấng,
 Nhiếp thụ trụ trì, xá,
 Hiện hóa và biến đổi,
 Trí đấng trì tự tại.
 Kính lễ đáng hàng ma,
 Bọn lừa dối chúng sinh.
 Phương tiện, quy y, tịnh,
 Và Đại thừa xuất ly.
 Kính lễ trừ ngoại đạo,
 Nói trí đức đoạn đức,
 Xuất ly và chướng ngại,
 Vì đối trị tự tha.
 Kính lễ đáng thuyết phục,
 Đại chúng lừa tạp nhiễm,
 Không gìn giữ cái gì,
 Và cũng không quên mất.
 Kính lễ đáng thật nghĩa,
 Trong tất cả cử động,
 Trong tất cả mọi lúc,
 Trí giác đều viên minh.
 Kính lễ đáng không quên,
 Làm lợi ích chúng sinh,
 Việc làm không bỏ lỡ,
 Và cũng không trống rỗng.
 Kính lễ ý lợi lạc,
 Tâm đại bi tương ưng,
 Ngày đêm thường 6 thời,
 Quán sát khắp thế gian.
 Kính lễ đáng tối thắng,
 Do hành và do chúng,
 Do trí và do nghiệp,
 Hơn tất cả 2 thừa.
 Kính lễ đáng năng đoạn,
 Nghi hoặc cho mọi người,
 Do chúng đấng 3 thân,
 Đủ tướng Đại Bồ-đề.

Pháp thân chư Phật tương ưng với các công đức như vậy, lại còn tương ưng với các công đức khác như tự tính, nhân quả, nghiệp và chuyển y. Do đó phải biết pháp thân chư Phật công đức vô thượng. Ở đây có 2 bài tụng như sau :

Phật thành thật thắng nghĩa,
 Tất cả địa xuất sinh.
 Trên tất cả chúng sinh,
 Giải thoát các hữu tình.
 Đức vô tận, vô đẳng,
 Tương ưng hiện thế gian,
 Và chúng hội thấy được,

Người trời không thể thấy.

Lại nữa pháp thân chư Phật rất sâu xa, cực kỳ sâu xa. Làm sao thấy được sự sâu xa ấy ? Ở đây có các bài tụng như sau :

*Phật không sinh mà sinh,
Cũng không trụ mà trụ.
Việc làm không dụng công,
Thụ thực : pháp thứ tư.
Không khác, khác vô lượng,
Vô số cũng là một.
Nghiệp rất chắc, không chắc,
Chư Phật đủ ba thân.
Hiện đẳng giác phi hữu,
Giác viên mãn phi vô.
Mỗi một niệm vô lượng,
Hiện hiện có không có.
Không nhiễm, không lia nhiễm,
Do dục được xuất ly.
Biết dục là không dục,
Ngộ nhập dục pháp tính.
Chư Phật vượt năm uẩn,
Mà an trụ trong uẩn.
Uẩn chẳng một chẳng khác,
Không xả mà tịch diệt.
Chư Phật sự tướng hòa,
Như nước trong biển lớn.
Ta đã đang sẽ làm,
Không nghĩ là lợi tha.
Có tội thì không thấy,
Như bình vỡ không trăng.
Phổ biến khắp thế gian,
Pháp sáng như mặt trời.
Hoặc hiện Đẳng chính giác,
Hoặc như lửa Niết-bàn.
Đây chưa từng chẳng có,
Vì Phật thân thường trú.
Như Lai đối việc ác,
Trong cõi người, nẻo ác,
Các pháp phi phạm hạnh,
Trụ tự thể tối thắng.
Phật hiện hành khắp nơi,
Cũng không đến nơi nào.
Trong tất cả hiện thân,
Chẳng phải tướng sáu căn.
Các hoặc đã dẹp hết,
Như bị các chủ độc.
Từ hoặc đến hết hoặc,
Phật chứng nhất thiết trí.
Phiền não thành giác phần,
Sinh tử là Niết-bàn.
Đủ các phương tiện lớn,
Chư Phật bất tư nghị.*

Nên biết như đã nói, có 12 thứ rất sâu xa tức là sự sâu xa về sinh trụ, nghiệp trụ, về an lập số nghiệp, về đẳng giác, về ly dục, về đoạn uẩn, về thành thực, về hiển hiện, về thị hiện đẳng giác Niết-bàn, về trụ, về hiển thị tự thể, về đoạn phiền não, về bất khả tư nghị.

Nếu các Bồ-tát nghĩ nhớ pháp thân Phật thì có bao nhiêu sự tu niệm nghĩ nhớ ?

Lược nói sự nghĩ nhớ pháp thân Phật có 7 điều phải nghĩ nhớ. Một là phải nghĩ nhớ rằng chư Phật hoàn toàn tự tại đối với tất cả các pháp, vì được thần thông vô ngại trong tất cả thế giới. Ở đây có bài tụng như sau :

*Khắp các cõi hữu tình,
Đủ chúng mà thiếu nhân,
Hai thứ quyết định chuyển,
Chư Phật không tự tại.*

Hai là phải nghĩ nhớ rằng thân Như Lai thường trú, vì chân thân không gián đoạn giải thoát cấu uế. Ba là phải nghĩ nhớ rằng Như Lai là tối thắng, không tội lỗi, vì đều đã lìa khỏi mọi trói buộc của tất cả chúng phiền não và sở tri. Bốn là phải nghĩ nhớ rằng Như Lai không dụng công, vì không có dụng công mà làm tất cả Phật sự không thôi nghĩ. Năm là phải nghĩ nhớ rằng Như Lai thụ dụng rất phong phú an lạc, vì cõi Phật thanh tịnh phong phú an lạc. Sáu là phải nghĩ nhớ rằng Như Lai lìa các nhiễm ô, vì sinh trong thế gian không bị các pháp thế gian ô nhiễm. Bảy là phải nghĩ nhớ rằng Như Lai có thể hoàn thành việc lớn, vì thị hiện chúng đẳng chính giác, Niết-bàn v.v...tất cả chúng sinh chưa thành thực thì khiến thành thực, đã thành thực thì khiến được giải thoát. Ở đây có 2 bài tụng như sau :

*Viên mãn thuộc tự tâm,
Thanh tịnh và thường trú,
Không dụng công mà thí
Pháp lạc cho hữu tình.
Trải khắp không dừng trụ,
Bình đẳng lợi nhiều đời,
Người trí nên nghĩ nhớ,
Pháp thân Phật như vậy.*

Lại nữa, tướng cõi Phật thanh tịnh của chư Phật như thế nào ?

Nên biết như Phẩm tựa của Bồ-tát Tạng Bách Thiên Khế Kinh có nói như sau :

Phật Thế Tôn ở cung điện 7 báu trang nghiêm rực rỡ sáng chói khắp nơi, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp vô biên thế giới, vô lượng cõi trang sức vi diệu, chu vi rộng lớn không ước lượng đến đâu là biên giới, vượt quá ba cõi nơi được tạo thành bởi thiện căn xuất thế gian, thanh tịnh tự tại cùng cực của duy thức làm tướng. Đó là nơi Như Lai đặt làm trụ xứ cho chúng Đại Bồ-tát vân tập. Là nơi có vô lượng rồng trời, Dược-xoa, Kiên-đạt-phược, A-tổ-lạc, Yết-lộ-đồ, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hô-lạc-già, người, phi nhân v.v...tùy từng, hành trì hỷ lạc đại pháp vị. Là nơi tạo tất cả nghĩa lợi cho chúng sinh, nơi dẹp trừ tất cả phiền não tai ương, nơi trang nghiêm xa lìa các ma, nơi sở y trang nghiêm của Như Lai, nơi lấy đại niệam tuệ hạnh làm đường đi, lấy đại chí quán làm thừa giáo, lấy đại không, vô tướng, vô nguyện, giải thoát làm cửa vào, nơi được trang nghiêm bằng vô lượng công đức nhóm hợp, nơi do Đại Bảo Hoa vương thiết lập. Trong cung điện lớn Thế Tôn thị hiện cõi Phật thanh tịnh, hiển sắc viên mãn, hình sắc viên mãn, phân lượng viên mãn, phương hướng viên mãn, nhân viên mãn, quả viên mãn, chủ viên mãn, phụ tá viên mãn, quyến thuộc viên mãn, trụ trì viên mãn, sự nghiệp viên mãn, nhiếp ích viên mãn, vô úy viên mãn, trụ xứ viên mãn, đường sá viên mãn, phương tiện di chuyển viên mãn, cửa vào viên mãn, y cứ gìn giữ viên mãn.

Lại nữa sự thụ dụng cõi Phật thanh tịnh như thế, hoàn toàn thanh tịnh vi diệu, hoàn toàn an vui, hoàn toàn không tội lỗi, hoàn toàn tự tại.

Lại nữa nên biết pháp giới chư Phật như vậy, trong mọi thời thường làm 5 sự nghiệp :

Một là cứu vớt tất cả tai họa cho chúng sinh làm sự nghiệp. Chỉ trông thấy được là có thể cứu các tai họa như đui, điếc, điên dại v.v...

Hai là cứu vớt đường dữ làm sự nghiệp. Cứu vớt các hữu tình ra khỏi chỗ hung dữ đưa đến nơi an lành.

Ba là cứu vớt những hành vi phi phương tiện làm sự nghiệp. Khiến các ngoại đạo bỏ phương tiện phi pháp, cầu hạnh giải thoát, đặt họ vào trong thánh giáo của Như Lai.

Bốn cứu vớt các Tát-ca-da làm sự nghiệp. Trao cho phương tiện đạo siêu thoát ba cõi.

Năm là cứu vớt bằng thừa giáo làm sự nghiệp. Nghĩa là như Bồ-tát có ý muốn nghiêng về một thừa khác, hay Thanh Văn chưa quyết định chủng tính, thì an lập họ vào con đường tu hạnh Đại thừa. Phải biết đối với 5 sự nghiệp này, nghiệp dụng của chư Phật đều bình đẳng. Ở đây có bài tụng như sau :

*Nhân, y, sự, tính, hành,
Khác nhau nên nghiệp khác.
Thế gian thì có khác,
Chư Phật thì bình đẳng.*

Nếu công đức này viên mãn tương ưng, pháp thân chư Phật không chung với Thanh Văn thừa, Độc Giác thừa, vậy vì ý gì Phật nói Nhất thừa ? Ở đây có 2 bài tụng như sau :

*Để dẫn dắt một loại,
Và giữ gìn số khác,
Do chúng tính bất định,
Nên Phật nói Nhất thừa.
Pháp, vô ngã, giải thoát,
Đồng đẳng, tính không đồng,
Đắc, 2 ý lạc hóa,
Cứu cánh nói Nhất thừa.*

Như vậy chư Phật đồng một pháp thân, vì sao có nhiều Phật ? Ở đây có bài tụng như sau :

*Một cõi không 2 Phật,
Đồng thời nhiều chứng thành.
Lần lượt chuyển, phi lý,
Nên thành có nhiều Phật.*

Làm sao biết trong pháp thân Phật chẳng phải rốt ráo nhập Niết-bàn, cũng chẳng phải rốt ráo chẳng nhập Niết-bàn ? Ở đây có bài tụng như sau :

*Tất cả chương thoát hết,
Việc làm không kết thúc,
Rốt ráo nhập Niết-bàn.
Rốt ráo chẳng Niết-bàn.*

Vì sao thụ dụng thân chẳng phải tự tính thân ?

Vì có 6 nguyên nhân : 1. Do sắc thân có thể trông thấy. 2. Do có thể thấy trong vô lượng Phật chúng hội khác nhau. 3. Do tùy thặng giải mà tự tính bất định có thể thấy. 4. Do riêng biệt có thể thấy, tự tính biến động có thể thấy. 5. Trong các đại tập hội gồm Bồ-tát, Thanh Văn, chư thiên v.v...nhiều tướng khác nhau họp lại, nên có thể thấy. 6. Do sự chuyển y phi lý của thức A-lê-da với các chuyển thức nên có thể thấy. Thụ dụng thân của Phật mà thành tự tính thân là không đúng lý.

Vì nguyên nhân nào biến hóa thân không là tự tính thân ?

Vì 8 nguyên nhân : Chư Bồ-tát từ xa xưa đã được định không thoái chuyển nên thụ sinh nơi trời Đô-sử-đa và sinh trong cõi người thì không đúng lý. Lại các Bồ-tát từ xa xưa hằng nhớ đời trước, vậy văn chương tính toán kỹ nghệ v.v...cũng như hưởng thụ trần dục mà Bồ-tát không biết là không đúng lý. Lại các Bồ-tát từ xa xưa đã biết các giáo pháp đều là ác thuyết đều là thiện thuyết, vậy mà còn đến theo học ngoại đạo là không đúng lý. Các Bồ-tát từ xa xưa đến nay đã thông suốt chính lý Thánh đạo ba thừa mà tu tà khổ hạnh là không đúng lý. Các Bồ-tát bỏ trăm câu-chỉ các Thiệm-bộ châu , mà chỉ ở một chỗ thành Đẳng chính giác, chuyển chính pháp luân là không hợp lý. Nếu tách rời phương tiện thị hiện thành chính giác, chỉ dùng hóa thân làm Phật sự ở phương khác, vậy thì nên thành chính giác trên trời Đô-sử-đa, sao lại không ? Nếu không như vậy thì tại sao Phật không đồng thời xuất hiện bình đẳng trong tất cả Thiệm-bộ châu ?

Nếu không xuất hiện thì không có giáo không có lý. Tuy có nhiều hóa thân mà không trái với câu nói không có 2 Như Lai cùng xuất hiện trong một thế giới. Như 2 Chuyển luân vương không cùng xuất hiện, bởi 4 châu là một thế giới. Ở đây có bài kệ nói như sau :

*Phật vi tế hóa thân,
Đa nhập thai cùng lúc.
Thị hiện Nhất thiết chủng,
Thành đạo, chuyển pháp luân.*

Vì muốn lợi lạc tất cả hữu tình mà phát nguyện tu hành, chúng Đại Bồ-đề rồi rớt ráo Niết-bàn là không đúng lý, vì có lỗi không thành hạnh nguyện.

Thụ dụng thân và biến hóa thân của Phật đã là vô thường thì vì sao kinh nói thân Như Lai là thường ?

Vì chỗ sở y của 2 thân này là pháp thân, mà pháp thân là thường. Lại nữa đấng lưu thân và biến hóa thân vì thường thụ dụng không ngưng nghỉ nên thường thường hóa hiện không vĩnh viễn tuyệt dứt, như thường thụ an lạc, như thường thí thực. Phải biết thân Như Lai là thường, cũng nghĩa như vậy.

Do 6 nguyên nhân mà hóa thân chư Phật Thế Tôn không rớt ráo vĩnh trụ : 1. Vì việc làm đã hoàn tất, bởi đã thành thực giải thoát chúng sinh. 2. Vì muốn xả bỏ không ưa Niết-bàn muốn cầu thân Như Lai thường trú. 3. Vì muốn người trừ bỏ tâm khinh mạn đối với chư Phật, khiến ngộ chính pháp sâu xa. 4. Vì khiến đối với Phật sinh tâm khát ngưỡng sâu xa, nếu thường thấy sẽ sinh chán. 5. Khiến tự thân siêng năng tinh tiến, biết người nói chính pháp là rất khó gặp. 6. Vì muốn các hữu tình mau chóng thành thực, khiến tự tinh tiến không bỏ gánh nặng. Ở đây có 2 bài tụng như sau :

*Do việc làm đã xong,
Bỏ không ưa Niết-bàn,
Bỏ khinh chê chư Phật,
Sinh khát ngưỡng sâu xa.
Trong tự mình tinh tiến,
Vì mau chóng thành thực,
Nên chư Phật hóa thân,
Không vĩnh viễn thường trú.*

Pháp thân chư Phật từ vô thủy đến nay không khác biệt, không số lượng, không nên vì được mà có dụng công. Ở đây có bài tụng như sau :

*Phật có vô biệt, vô lượng nhân,
Hữu tình nếu bỏ siêng công dụng,
Chứng đắc, mãi mãi chẳng thành nhân,
Đoạn nhân như vậy không đúng lý.*

Đây là Phẩm Nhiếp Đại Thừa, trong Kinh Đại Thừa A-tì-đạt-ma, tôi A-tăng-già sơ lược giải thích xong.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN BẢN

Quyển Hạ
(Hết)